

Năm thứ hai — Số 74

Tuần-lễ từ thứ tư 25 Novembre
đến thứ ba 1er Décembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Ta nầy có rên khể phục ni ông tiếng cổ
nào còn dùng được nữa?

Hoa-Bằng

Văn tả người, tả cảnh trong « Đoàn
trường tán thanh »

Đào duy-Anh

Phê-bình « Việt-nam cổ văn-học sử »

Nguyễn văn-lữ

Cách đặt tiếng việt mới dùng làm chữ
shuyên-môn (I)

Nguyễn Trọng-Thuyết

Nam đàn bát châu (IX)

Thị-Vân Nguyễn đôn-Phục

Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Hết)

Nhật-Nham

Tùy-hưng

Hàng-Phương, Minh-Tuyền

Chúa Nguyễn Ánh có chạy theo Côn-
đảo... ? (II)

Dương-Kh

Những ông nghề triều Lê (XLIV)

Nguyễn văn-Tổ

Chiều thu tiễn bạn

Phạm-mạnh-Phan

Tài liệu để đánh-binh những bài văn cổ (XLIX)

Ứng-Hoà

Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt

truyện » (XI)

Thọ-xuân Lê văn-Phúc

Đêm hội Long-tri (Tiểu-thuyết, II)

Nguyễn huy-Tướng

làm giàu cho việt ngữ ngày nay

Ta có nên khôi - phục những tiếng cổ nào còn dùng được nữa không?

HOA-BẢNG

ĐỐI VỚI một tướng tài, hạng quân - linh già - yếu cũng dùng được việc.

Đối với một lương y, vị thuốc có tính công-phạt cũng điều-khiển i.

Lành gì bằng cơm, nhưng nếu không khéo ăn cũng đến bội thực.

Dữ gì bằng hùm beo, nhưng nếu khéo dạy cũng có thể đóng trò làm xiếc.

Văn-tự cũng vậy, ta không nên óm cái thành-kiến thích tiếng nọ, ghét chữ kia. Hễ ta biết dùng và biết khi nào dùng chữ nghĩa thì chúng đều là những toán quân đặc lực và những vị thuốc thích nghi của ta cả.

Vẫn biết, Đông cũng như Tây, trong bước lịch-trình của văn-học, có nhiều những nét biến-thiên về từ ngữ, lắm chữ tuy thông dụng ở thời xưa, nhưng sau bị dần dần đào-thải, người ta không dùng nữa.

Ai thấy trong văn tày bảy giờ còn viết những chữ cổ như ở trong nhiều tác phẩm của những nhà văn Pháp hồi thế-kỷ 16, 17?

Ai kiếm được trong văn tày ngày nay những bài viết bằng chữ «khoa-đầu» do Trương Hiệt đã chế và những văn «cật khúc ngao nha» như sách của Phục-sinh đã truyền?

Nhưng, việt-ngữ còn nghèo, ta nên cho đứng vào một trường-hợp đặc-biệt.

Trong bài trước ở Tri - Tân số 3, tôi đã nói ta nay nên

khôi-phục những tiếng cổ nào còn có giá-trị đáng quý, đáng bảo tồn. Nay xin trở lại vấn-đề ấy.

Căn-cứ vào bản dịch «Truyền kỳ mạn lục» như đã nói ở bài trước, tôi thấy về lẽ Lê Cảnh-hưng, 1740-1786, rất thông dụng những tiếng nôm dịch theo nghĩa những chữ nho này:

Cái là tượng,
Dĩ nhi là đã mà,
Kỳ là thừa,
Sở là thừa,
Chi là chùng,
Hồ là vậy du,
Chi là đó,
Giả là ấy,
Ư là chùng,
Da là vậy vậy...

Trong sách ấy còn có lắm tiếng rất cổ mà nay đã biến - thiên nhiều:

Chỉn lệ nghĩa là chỉ e, chỉ sợ;
Thừa mặc nghĩa là sở dĩ;
Kính mắng nghĩa là kính nghe;
Tượng mắng nghĩa là nghe đâu.

Vậy những tiếng cổ ấy nay có còn dùng được nữa không?

Trong mở tài-liệu của tiền-nhân để lại đó, ta nay có nên chịu khó xoát lại một lượt xem thứ nào tốt thì ta dùng kéo mang tiếng là «con nhà phỉ của» không?

Nay tôi thử làm cái việc xoát lại và lựa chọn ấy để chất-chính cùng các bậc thức giả:

Đối với những tiếng đã quá xưa, không thích-hợp, ta nay dù có lòng thương tiếc đến đâu cũng khó giữ chúng khỏi sa xuống vực

đào-thải được.

Dẫu vậy, trong kho tiếng cổ không phải không còn có tiếng đáng bảo tồn:

Trong khi viết văn văn, các bạn có thể tùy trường-hợp mà dùng chữ «thừa».

«Thừa» đây nghĩa là «của người ấy», «thuộc việc ấy», chứ không phải là một tấm, một mảnh dẫu.

Nếu ai có bề, chúng ta có thể vịn ngay câu Kiều của cụ Nguyễn Du để làm chứng cứ:

«Thừa công-đức ấy ai bằng?»

Ngoài ra, ta có thể dùng thêm những tiếng sau này để dịch nghĩa chữ nho nữa:

Chỉn để dịch chữ dung; Dung phi thiên hồ? chỉn chẳng phải bởi trời du? Như thế khỏi lẫn với chữ «khởi» là «há».

Ngồn-ngộn để dịch chữ đường-đường: ngồn - ngộn i bảy thước.

Hằng-hằng để dịch

vãng khi trong n chữ «thường thường»

để tránh được cái nạn trùng tiếng.

Đó là tôi mới kể sơ một vài chữ để làm lệ, chứ không phải tiếng cổ chỉ có bấy nhiêu và sự lựa chọn chỉ có ngần ấy.

Công việc này, không phải do ý riêng một người có thể làm nổi; tất phải có nhiều người tán-thành, cùng dùng, cùng viết, lâu dần thành quen, mới mong có thể khôi-phục được những tiếng cổ đáng khôi phục.

HOA-BẢNG

VĂN TẢ NGƯỜI VÀ TẢ CẢNH TRONG ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH

ĐÀO-DUY-ANH

TRƯỚC hết tác-giả giới thiệu hai chị em Thúy-Kiều và Thúy-Vân:

Đầu lòng hai ả Tố - nga
Thúy - Kiều là chị, em là Thúy - Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh - thần,
Một người một vẻ mười phân vẹn mười,
Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang,
Hoa cười, ngọc thốt, đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da,
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung, thương, lầu bạc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ - cầm một trương:
Khúc nhà tay lựa nên xoang,
Một thiên « bạc mệnh » lại càng não nhân,
Phong lưu rất mực hồng - quần,
Xoắn xanh xấp xỉ lời tuần cấp kê.
Êm dềm trưởng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai. »

Tác-giả cho ta biết rằng hai chị em người nào cũng là dung dáng yêu kiều (mai cốt cách), tinh thần trong sạch (tuyết tinh thần) (1) người nào cũng là hoàn toàn, nhưng mỗi người có một vẻ riêng.

Thúy-Vân thì vẻ người chững chạc khác thường (trang trọng khác vời), khuôn mặt thì đầy đặn, nét mày thì đậm đà (khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang), ra dáng con người phúc hậu, thùy mị. Đến như miệng cười thì tươi như hoa, giọng nói thì trong như ngọc (hoa cười ngọc thốt) nhưng cười nói khi nào cũng nghiêm trang kín đáo mà lại có sắc đẹp, tóc xanh hơn mây, da trắng hơn tuyết, nhưng cái sắc đẹp của một người phúc hậu chín chắn, như có đức chín chắn hơn người

ta, cho đến tạo hóa, đều phải kính nhường. Ở đây tác giả dùng chữ « thua » (mây thua nước tóc) và chữ « nhường » (tuyết nhường màu da) lác đác để ám thị cho ta rằng cái sắc và cái đức của Thúy-Vân để dành cho nàng một cái số phận đầy đủ hạnh-phúc.

Đến như Thúy-Kiều là nhân vật chính, mà tác giả lại tả sau Thúy-Vân, là dụng ý mượn nhan sắc Thúy-Vân mà làm tôn nhan sắc của Thúy-Kiều, tức là phép « tả khách hình chủ ». So với Thúy-Vân vẻ đẹp của Kiều lại là sắc sảo mặn mà hơn, mà Kiều lại hơn Vân về đường tài nữa « So bề tài sắc lại là phần hơn ». Tả Thúy - Vân thì tác giả dùng những chữ như : « khuôn trăng nét ngài, hoa cười, ngọc thốt, tóc mây, da tuyết » tuy là chữ bóng bẩy, nhưng vẫn là hữu hình. Đến Thúy-Kiều thì tác giả dùng những chữ : « làn thu thủy » để chỉ con mắt trong sáng, « nét xuân sơn » để chỉ lông mày xanh tươi, khiến cho ta tưởng như tác giả đã muốn tả cái phần vô hình của sắc. Cái đẹp tươi thắm lộng lẫy ấy khiến cho « hoa cũng phải ghen » « liễu cũng phải hờn » nghĩa là tạo vật cũng phải ghen ghét mà sẽ bắt Thúy-Kiều chịu một phận mệnh khổ sở cho bỏ ghét.

Suy nhan sắc Thúy-Kiều như thế, tất khiến người ta phải yêu mến say mê (một hai nghiêng nước nghiêng thành) cái si tình của Kim-Trọng ngay ở đây ta cũng có thể đoán được.

Nhưng Thúy-Kiều đã có nhan sắc thiên tiên ấy mà lại còn có tài hơn người (sắc đành đòi một tài đành họa hai) Nguyễn-Du cho ta biết nàng có thiên bẩm thông minh, « đủ tài thi họa ca ngâm ». Ông chú trọng nhất về tài âm nhạc của nàng, để nhân đó mà cho ta biết nàng đã đặt ra một bài đàn « Bạc-mệnh » để tự ngụ. Người nhan sắc thông minh, tài hoa như Thúy-Kiều tất tình cũng phải khác thường. Ông không cần phải nói rõ nàng là người đa tình đa cảm, mà chỉ nói khúc đàn « Bạc mệnh » thì ta đã tự khắc biết rồi. Chỉ một việc ấy đã khiến ta tưởng tượng được cái lịch-sử đoạn trường của Thúy-Kiều như sau đây.

Tóm lại, Thúy-Vân được sung sướng là vì sắc lại kèm thêm đức, mà Thúy-Kiều bị khổ sở gian truân là vì đã có sắc lại thêm tài là cái tạo vật không ưa.

Sau khi tả khen sắc và đức hạnh của Thúy-Vân trong 4 câu, và nhan sắc cùng tài tình của Thúy-Kiều trong 12 câu, sau khi tả hai cái chân dung khác nhau mà cùng hoàn toàn đầy đủ, Nguyễn-Du lại nói chung đến cách phong lưu cho đến tuổi tác cùng là cách ăn ở cấm cung của hai cô con gái họ Vương.

Các nhân vật khác là nhân vật phụ thuộc, tác giả chỉ tả sơ lược, duy có Từ-Hải thì tác giả tả kỹ gần bằng Thúy-Kiều, ở chương trên ta đã thấy khi mô tả nhân cách và sự nghiệp của Từ-Hải thì Nguyễn-Du có một dụng văn đặc biệt lạ thường vì sau Thúy-Kiều mà Nguyễn-Du xem là một người cùng chung phận mệnh với mình. Từ-Hải là người mà Nguyễn-Du không đạt được cái hy vọng muốn bắt chước.

Trong trí Nguyễn-Du, Từ-Hải là một người anh hùng phi-thường, ta không nên biết tung tích rõ ràng — nếu biết tung tích họ thì sẽ thấy họ cũng chẳng có gì là phi thường cả — cho nên ông chỉ cho ta biết rằng Từ là một người khách lạ tự miền biển thù xa đến. Chữ « bồng dân » hình như đã đoán trước về kinh ngạc của ta, khi thấy một người « râu hùm, hàm én, mày ngài ; vai năm tấc rộng, thân mười thước cao » Người có cái dụng mạo to lớn dữ tợn ấy có thể là một người anh hùng, mà cũng có thể chỉ là một người vũ phu. Nhưng trong dụng mạo ấy tác giả đã nhận thấy cái khí sắc của kẻ anh hùng, rất là rõ ràng (đường đường một đấng anh hào). Đã là anh hùng thì tất không phải chỉ có dũng (còn quyền hơn sức) mà lại phải có trí nữa (lược thao gồm tài). Hai câu ấy đã biết thêm rằng người cao lớn dữ tợn ta thấy đó là người có tài trí lỗi lạc, nhưng tài trí không cũng chưa đủ làm người anh hùng, lại cần phải có chí-khí.

Câu « đội trời đạp đất ở đời » cho ta biết rằng Từ có chí khí ngang tàng độc lập, không chịu khuất phục ai.

Người khách lạ ấy, bây giờ ta đã biết rõ ràng là « một đấng anh hào ». Điều ta muốn biết thêm nữa là tên họ người ấy. Nguyễn-Du chờ đến lúc ta khao khát muốn biết, mới chịu nói cho ta biết người ấy là tên Hải họ Từ quê quán ở xứ Việt-đông, là miền chưa quen chịu giáo hóa và ước thức của Trầu đình phương Bắc. Người ấy

hiện bấy giờ còn lặn dạn trong cảnh trần ai nhưng cũng không được làm việc tầm thường, không được ló mặt trong khuôn khổ nhỏ mọn, trong phạm-vi chật hẹp, mà phải lấy cả thiên hạ làm trường hoạt động của mình (giang hồ quen thói vẫy vùng), chỉ thích một mình đi ngao du khắp phong cảnh non sông (non sông một chèo), có lẽ dễ kết nạp hào kiệt và tìm nơi dụng võ, nhưng Từ-Hải dường là có chí anh hùng mà không phải là người tự nếm cái thiên chức lớn lao như hạng anh hùng cứu quốc (Lê-lợi, Câu-tễ) Từ-hải chỉ là anh hùng để cho phi cái chí ngang tàng bầm phú cho nên không ép thân trong cảnh khắc khổ, mà trái lại, trong bước phiêu lưu lại không quên cái thú phong lưu. Cho nên cùng với thanh gươm là vật tuy thân của người võ sĩ, Từ-Hải thường kèm theo cái đàn, mà nhờ cái đàn ấy ta mới không lấy làm lạ khi ta thấy Từ-hải gặp Thúy-Kiều ở chốn thanh lâu.

Những nhân vật phụ thuộc, tác giả chỉ tả mỗi người bằng hai câu hay bốn câu mà ta thấy được đủ hình dung và tính tình của họ như hệt :

Kim-Trọng :

« Nền phú hậu bọc tài danh,

« Văn chương nết dốt thông minh tính trời ;

« Phong tư tài mạo khác vời,

« Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa »

Bốn câu ấy tả đủ gia thế, vẻ người, vẻ mặt, tài năng, tính tình của anh học trò họ K m.

Mã Giám-sinh :

« Quá niên trạc ngoại tứ tuần,

« Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao ».

Hai câu ấy tả rõ một người diễm dàng. Mấy chữ « cò kè bớt một thêm hai » lại khiến ta thấy anh diễm dàng kia là con buôn lão luyện.

Tú-bà :

« Thoát trông nhờn nhợt màu da,

« Ăn gì cao lớn đầy đà làm sao ?

« Trước xe lơ lửng lả lơi chào... »

Mấy câu tả rõ hình dung và thái độ của một mụ « trum », Sở-Khanh thì người còn trẻ, ra vẻ học trò, nhưng học trò mà « hình dung chải chuốt áo khăn dịu dàng », tất không phải là học trò thật hiệu.

Thúc-sinh thì tuy « cũng nòi thư hương » mà lại « quen thói bốc rời, trăm nghìn đồ một tẩn cười như không », cho nên gặp Thúy-Kiều ở kỳ-viện thì chàng mê mết mà chuộc lấy làm vợ hầu, dẫu vợ chính của chàng là người danh thếp, Tất cả những ngôn từ hành động của Hoàn-thư tỏ cho ta thấy hai câu ;

« Ở ăn thì nét cũng hay,

« Nói điều ràng buộc thì tay cũng già »
là rất đúng.

Nguyễn-Du tả Đạm tiên :

« Sương in mặt tuyết pha chán,

« Sen vàng lững thững như gần như xa »
thì rõ là một nàng tiên thấy trong mộng.

Đến khi tả Thúy-Kiều chết đuối mới vót lên
thì hai câu:

« Trên mũi lướt-thướt áo là,

« Tuy đầm hơi nước, chưa lòa bóng gương »
khiến ta thấy hiện hiện ngay một người đàn bà
sang trọng quần áo ướt đầm lướt thướt, nằm ở
trên mũi thuyền, sắc mặt tuy đầm nước đã hơi
bạc; nhưng vẫn còn vẻ đẹp thiên nhiên.

Nếu ta so sánh cách mô tả của Nguyễn - Du
với cách mô-tả của các nhà tiên-thuyết phương
tây thì ta có lẽ tiếc rằng Nguyễn - Du tả hơi
sơ lược. Nhưng ta phải nhớ rằng Nguyễn-
Du không phải dụng tâm tả thực, nên không tả
tỷ mỹ những hình dáng, dụng mạo, thái-độ,
cử chỉ, ngôn từ, tính tình đặc biệt của một
người nhất định. Sự mô tả của ông chỉ cốt cho
ta nhận thấy vẻ hợp nhất giữa hình dung,
tính tình cùng hành động của một nhân vật,
mà nhân vật ấy hẳn là người đặc biệt mà lại
có tính chất phổ thông, thực là một người
trừu tượng, một người điển-hình tiêu biểu cho cả
một hạng người trong xã hội. Thúy Kiều tiêu
biểu cho hạng con gái đẹp tài tình, Thúy-Vân tiêu
biểu cho hạng con gái đẹp phúc hậu, Mã Giám-
sinh tiêu biểu cho hạng điểm đàn ông ma cô, Tú-bà
tiêu biểu cho hạng trộm dâm, Thúc-sinh tiêu biểu
cho hạng công tử mê gái, Từ Hải tiêu biểu cho
hạng hào kiệt ngang tàng. Bởi các lẽ trên, ta chỉ
thấy Nguyễn-Du lựa chọn một cách rất thích
đáng những điều đáng chú ý, những đặc điểm
tiêu biểu chứ không phô bày tất cả chi tiết.

..

Cách tả người đã thế, cách tả cảnh của Nguyễn
Du cũng thế. Ngay đầu sách ta thấy một đoạn
tả cảnh rất tinh diệu, là cảnh Thúy-Kiều du xuân.
Trước hết tác giả dùng những lời hình tượng
để cho ta biết một cách bóng bẩy rằng bấy giờ
xuân đã đến đầu tháng ba.

« Tiết vừa con én đưa thoi,

« Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi ».

Mùa xuân vào khoảng ấy là tiết thiên hạ kéo
nhau đi chơi xuân, nên tác giả tả cảnh xuân ở
ngoài đồng.

Tác giả chỉ dùng có hai câu để tả những bông
lê điềm trắng trên thảm cỏ non dăng dến tận
chân trời, là những nét khiến tâm hồn thi sĩ
rung động giữa biết bao nhiêu cảnh xinh tươi
khác mà trí ta có thể nhớ những nét phác họa
đề tưởng tượng ra :

« Cỏ non xanh tận trời

« Cảnh lê trắng điềm một vài bông hoa »

Chị em Thúy-Kiều gặp tiết ấy, mến cảnh ấy,
cũng theo người ta mà đi du xuân và tảo mộ.
Tác giả dùng hai câu để tả vẻ náo nhiệt của cảnh
du xuân, giữa đường chật ních áo quần, lượn
lướt xe ngựa, và hai câu để tả cảnh tảo mộ thiên
hạ ngồn ngang kéo nhau lên bãi tha ma, mà
giữa đường thì tro tiền giấy và thoi vàng hồ rã
rã.

« Dập dụa tài tử giai nhân,

« Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.

« Ngồn ngang gò đồng kéo lên,

« Thoi vàng hồ rã, tro tiền giấy bay ».

Nhân tảo mộ trở về, chị em Thúy-Kiều đi qua
mộ Đạm-Tiên thì tác-giả lại tả cảnh ấy bằng sáu
câu khiến ta thấy bao nhiêu vẻ thế lương của
các mồ hoang thấp lè tè, rầu rầu sắc cỏ, như một
đêm âm đạm giữa cái cảnh thanh tao xinh xắn :

« Bước lần theo ngọn tiêu khe,

« Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.

« Nao nao giòng nước uốn quanh,

« Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

« Sè sè nấm đất bên đường,

« Dầu dầu ngọn cỏ, nửa vàng nửa xanh ».

Cảnh thứ ba này tác giả tả kỹ hơn hai cảnh
trước, vì nó là cảnh quan trọng hơn cả, là chỗ
mà Thúy-Kiều sẽ gặp Kim-Trọng rồi mới thành
mối khổ tình. Song ta có thể dồn ba cảnh ấy
thành một bức, từng thứ nhất là cảnh mộ Đạm-
Tiên, từng thứ nhì là cảnh du xuân tảo mộ,
từng sau cùng là cảnh xuân làm nền, thực là
một bức họa cân cái nhịp nhàng, bố trí khéo
như một bức họa cổ điển mà nét bút lại đậm bạc
như một bức tranh sơn thủy của Tàu.

Nhà văn lãng mạn hay duy thực gặp cảnh mùa
xuân thì tất tả tả mỹ tất cả những đặc sắc của
xuân ở ngoài đồng, từ sắc trời sắc đất, đến cây
cối chim muông, từ hương vị cỏ hoa đến tiếng
người tiếng vật. Nhà thi-sĩ của ta thì chỉ dùng
gọn lỏn có hai câu vì, — như H. Taine đã nói về
La Fontaine — « nhà thi sĩ chân chính chỉ nghĩ
về đại thể và chỉ mô tả để chứng thực » (2). Mỗi
lời văn của thi-sĩ, cũng như mỗi nét bút của
họa-sĩ, là một biểu-hiệu để tỏ một hành động

hay để gọi một cảm-tình, chứ không phải để mặc lại hay để bắt chước tự nhiên một cách vụng về. Bởi thế phần tả cảnh trong văn Nguyễn Du là phần phụ thuộc để giúp cho phần tự thuật hay phần tả tình được linh hoạt thêm.

Ta xem như câu :

« Làn lưà ngòy gió đêm trăng,

« Thừa hồng rậm lục đã chừng xuân qua ».
không phải tả cảnh mùa hạ, mà chỉ cốt nói một cách màu mè rằng tiết trời vừa sang hạ, là lúc cha mẹ Thúy Kiều đi mừng lễ sinh nhật ở ngoại gia

Câu

« Dưới trăng quỳên đã gọi hè,

« Đầu tường lửa lựu lập lòe đóm bóng.

Cùng câu :

« Mảng vui rượu sớm trà trưa,

« Đào đã phai thắm sen vừa nảy xanh ».

là chỉ cốt nói rằng sang mùa hè, một ngày nọ Thúy-Kiều đi tắm hay là một đêm nọ Thúy-Kiều khuyển Thúc-sinh về thăm nhà.

Những câu :

« Sân ngọc cảnh bích đã chen lá vàng,

« Gếng vàng đã rụng một vài lá ngô »

là chỉ bày một cảnh riêng của mùa thu để nói rằng thì giờ thắm thoát đã đến tiết ấy rồi.

Tả cảnh để gọi thêm cảm-tình (chứng thực cho cảm tình) thì như đoạn :

« Một vùng cỏ mọc xanh rì,

« Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu

« Gió chiều như gọi cơn sầu,

« Vì ló hui hắt như màu khói trêu ».

Cùng là một cảnh chỗ mộ Đạm-Tiên, mà lúc du xuân thì nó có vẻ thanh thanh, đến bây giờ thì thấy nó có vẻ âu sầu cũng như tâm tình của anh chàng tương tự nọ.

Ta lại xem đoạn :

« Bạc phau cầu giá đen rằm ngàn mảy.

« Vì ló san sát hơi may,

« Một trời thu để riêng ai một người,

« Đêm khuya ngất tạnh mù khơi,

« Thấy trăng mà thẹn những người non sông.

« Rừng thu từng biếc sen hồng,

« Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn ».

Hai câu đầu tả cảnh mùa thu, cầu giá bạc phau, mây kéo đen rằm, nhường như cảnh vật cũng sầu thắm với người con gái phải xa cha mẹ mà đi ra đất khách quê người phó thân cho số phận. Hai câu giữa tả cảnh đêm thu, mà tả luôn lòng đau đớn của Thúy-Kiều vì thấy trăng mà nhớ đến cố nhân. Hai câu sau cùng tả cảnh

rừng thu mà tả luôn lòng ảo não của nàng vì nghe tiếng chim kêu mà nhớ cha mẹ.

Khi tả cảnh đêm Thúy-Kiều đi trốn theo Sở-Khanh, tác-giả khiến ta thấy nỗi sợ hãi cùng nỗi đan đón nhớ nhà của người thiếu-nữ :

« Đêm thu khắc lậu canh tàn,

« Gó cây trút lá, trắng ngàn ngậm gương.

« Lối mòn cỏ nhợt màu sương,

« Lòng quê đi một bước đường một đau ».

Khi Thúy-Kiều trốn ở nhà Hoạn-Thư ra, tác-giả tả cảnh đêm lại ra vẻ sợ hãi hơn nữa :

« Mịt mù dậm cát đồi cây,

« Tiếng gà điểm nguyệt dấu giày cầu sương

« Canh khuya thân gái dậm trường,

« Phần e đường sá phần thương dải dầu ».

Đến như cảnh trong đình Từ-Hải khi báo ân báo oán thì rõ có vẻ lẫm liệt uy nghiêm :

« Quân-trung gươm lớn áo dài,

« Vẻ trong thị lập, cơ ngoài song phi

« Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi

« Bức đồng chắt đất, tinh kỳ rợp sân.

« Trướng hùm mở giữa trung-quân,

« Từ-công sánh với phu-nhân cùng ngồi : »

Lại xem đoạn tả cảnh tiên điền ở vườn Thúy khi Kim-Trọng tự Liên-dương trở lại.

« Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,

« Song trắng quạnh quẽ, vách mưa rã rời.

« Trước sau nào thấy bóng người ?

« Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

« Xếp xè ến liệng lâu không,

« Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.

« Cuối tường gai góc mọc đầy,

« Đi về này những lối này năm xưa,

« Chung quanh lặng ngắt như tờ :

Rõ thực là cái cảnh lý tưởng tác giả vẽ ra để tả nỗi đau đớn của Kim-Trọng khi đứng trước quang cảnh điền tàn mà tuyệt chẳng thấy người thương

Ta đã biết mục đích tả cảnh của Nguyễn-Du là thế nào, nên ta không lấy làm lạ thấy ông mô tả rất vắn tắt gọn gàng. Song nét bút sơ sài của ông lại thần tình đến chỉ một vài câu mà tả đầy đủ một cảnh rất tế nhị dồi dào thi vị, ví như :

« Lơ thơ tơ liễu buông mành,

« Con oanh học nói trên cành mả mai ».

« Chim hôm thoi thóp về rừng,

« Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành ».

« Long lanh đáy nước in trời, »

« Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng »

Trong vô luận một cảnh nào, trực giác của Nguyễn-Du biết nhận ngay lấy những chỗ quan-trọng và tiêu biểu nhất, mà ngòi bút lại khéo đem

những chữ duy nhất, những chữ thực là thanh-khí mà kêu gọi nó lên, cho nên dấu cảnh tả sơ sài thế nào cũng đều là tuyệt diệu.

Ta hãy xem những cảnh nhỏ sau này :

Cảnh nhà cháy từ lâu :

« Tro than một đống nắng mưa bốn mùa »

Cảnh aim thanh ở bên sông :

« Một gian nước biếc mây vàng chia đôi »

Cảnh nhà hoang :

« Đến nơi đóng cửa cài then »

« Rêu trùm kẽ gạch, cỏ lan mái nhà »

Cảnh nhà nghèo :

« Nhà tranh vách nát tả tơi,

« Lan treo rèm nát, trúc cài phen thưa.

« Một sân đất cỏ dầm mưa. »

(Thêm vào văn tả cảnh)

Những người và cảnh Nguyễn-Du mô tả vẫn không giống với những người thực ta thường đụng chạm, những cảnh thực ta từng trải qua.

Ta đã biết rằng Nguyễn-Du không tả thực. Nhưng tại sao Nguyễn-Du lại không tả thực ? Nguyễn-Du sinh trưởng ở cuối thế kỷ 18 đầu thế

Đài kỷ niệm Nguyễn-Du



Nguyễn-Du là nhà thi-hào độc nhất của ta toàn thế quốc dân một lòng sùng bái, thế mà trừ một cái bia của hội K.T.T.Đ. ra, thì quốc-dân chưa có cái gì để kỷ-niệm bậc công thần độc nhất của quốc-văn, cho đến cái mộ của tiên-sinh đến ngày nay cũng chỉ là một nấm đất sè sè. Nhân ngày lúy của tiên sinh xưa nay, hội Quảng-trị Huế, nhờ được các học hội lớn ở trong nước ủng hộ, có xuất bản một quyển sách đề là *Tập văn học kỷ niệm Nguyễn-Du*, đề ban lấy tiền sưu mộ và dựng đài kỷ niệm nhà thi hào ở làng Tiên-diễn.

Sách ấy ban tại hội Quảng-trị Huế và Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm 12, Sabourain, Saigon.

Hạng giấy nhều Tô-như 20 p. 00

Hạng giấy lụa Tô-như 8 00

Hạng giấy lụa Sông-thao 6 00

(Hạng 100 p. 00 đã bán hết cả)

HỘI QUẢNG-TRỊ HUẾ kính chào

kỷ 19, ở giữa hoàn cảnh quí-tộc, ở giữa xã-hội phong kiến, về vật chất lẫn tinh thần, đã sống trong một thế giới tập tục, hình thức, thì nghệ-thuật của ông thế nào thoát khỏi phạm vi hình thức, mà vượt đến trình độ duy-thực được ? Ở đây tôi không thể bàn rộng về những tính chất của văn học phong kiến, văn học hình thức của Trung-quốc và của ta, tôi chỉ muốn bày tỏ điều này : Trong các tác phẩm khác ở đồng thời thì các nhân vật như Hạnh Nguyên, Nhị độ mai, Giao tiên, hoa tiên, Nguyệt nga, Lục vân tiên, đều là hoàn toàn hình thức, mà ở Kim Vân Kiều thì thiên tài của Nguyễn-Du đã khiến cho các nhân vật vượt cao đến tính chất điển hình.

Về phong cảnh thì thỉnh thoảng Nguyễn-Du vẫn chưa thoát phạm vi hình thức, như cảnh « đôi phen gió tựa hoa kề, nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu », thì chẳng khác gì cảnh « nơi chõng cặp sách rơi bày cuốn thơ ; nơi cầm nơi rượu, nơi cờ » trong Hoa-tiên truyện, nhưng phần nhiều cảnh thì đã vượt hẳn hình thức mà thành những cảnh hoặc vui tươi tể nhị hoặc sâu thăm âm thầm, hoặc hải hùng rừng rợn, tác giả cấu tạo trong lý tưởng mà có thể cảm động ta như hết. Ta lại nên chú ý một điều nữa là những người điển hình và những cảnh lý tưởng ấy, tác-giả thường chỉ dùng những chữ lập thành và những lý dụ sẵn có. Nghĩa là những trần từ sáo ngữ, đề kêu gọi trong trí ta những hình ảnh đã quen, những thiên tài của tác giả là khiến những hình ảnh quen trên ấy không làm cho ta nhàm, và khéo phối hợp nó lại mà tổ chức thành những bức chân dung và những bức phong cảnh nhiều thú vị. Dưới ngòi bút thần tình của Nguyễn-Du, những trần từ sáo ngữ trở lại thành những lời văn bàm sâu dồi dào, rất thích hợp cho sự mô tả tổng hợp của ông, là một bút pháp khác hẳn với cách mô tả phân tích, tỷ mỹ mẫn mòi từng sợi tóc chân tơ của các nhà vua lãng-mạn và duy-thực.

ĐÀO DUY-ANH

(Trích sách khảo luận

về Kim Vân Kiều

sắp xuất bản)

1) Tác giả dùng cảnh mai tuyết mùa đông mà so sánh chị em Kiều như cốt cách mai có trũng phả tinh thần tuyết.

2) La Fontaine et ses fables, H. Taine, Librairie Hachette, Paris

QUYỀN VIỆT-NAM CỔ VĂN-HỌC SỬ

Ông-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

NHA Hà-Thuyền mới xuất bản quyền Việt-Nam cổ văn-học sử của ông Nguyễn-dồng-Chi. Sách khổ nhỏ dày độ 450 trang, có ông Trần-vân-Giáp đề tựa, cụ Huỳnh-thúc-Kháng đề bạt. Soạn giả chép từ thượng-cổ đến cuối đời Hồ, xem ra dụng công lắm, nhiều đoạn rất bổ ích: có lẽ chẳng bao lâu sẽ tái bản.

Muốn giúp một phần vào việc tái bản, tôi tưởng nên bàn với soạn giả một vài câu.

I. — Đoạn nào không chép sử, mà chỉ chép những lời ước đoán, thì không nên viết thành bài, thành chương chỉ nên chú chữ nhỏ ở cuối trang cũng đủ hiểu. Ông Nguyễn-dồng-Chi có viết một chương nói về Chữ viết đời thượng-cổ mới đọc đầu đề, ai cũng tưởng là một bài khảo cứu theo lời quyền *Histoire de l'écriture dans l'antiquité* của ông Philippe Berger. Nhưng ông Nguyễn-dồng-Chi chỉ nói đến cái thuyết của ông Hoàng-đạo-Thành. Cái thuyết ấy như thế này: « Nước Nam từ xưa, đáng lý đã có chữ. Nếu không thì những việc về trước, lấy gì mà ghi nhớ

Từ ngày thứ sử Sĩ-Nhiếp dạy ta học chữ, thì bấy giờ mới học văn Tàu, dùng chữ Tàu. Văn Tàu thông hành đã lâu; chữ nước mình thành ra không truyền lại, nên không khảo cứu vào đâu được. Thử xem những dân rừng núi ở miền thượng du, mỗi dân có một thứ chữ riêng để cùng lưu hành thông dụng. Có lẽ nào nước ta lại không có chữ? » Cái thuyết ấy có thể tóm tắt lại vài dòng và chưa xuống cuối trang ở chương thứ hai, là chương nói về Cổ văn chữ Nôm: bắt tất phải viết hẳn ra một chương. Và lại cả chương chỉ có ba trang giấy; trong ba trang ấy, lại mất nửa trang in lại một thứ chữ Tai ở Thanh-Hóa; chữ Tai này, ông Nguyễn-dồng-Chi chưa nhầm là chữ « của Mường » tôi có đem so với những chữ chép trong sách *Étude de la langue tai* của ông Ed. Dignet và sách Tai của Trương Bắc-cổ mua trong Thanh-hóa, ở châu Thường-xuân đề là « Manuscripts tai » số 287 - 300; thật đích là chữ Tai, ngoài Bắc ta gọi là chữ Thờ, chứ không phải chữ Mường: Mường không có chữ.

II. — Phàm chương sách nào

không quan hệ mật-thiết với cổ-văn học sử nước Nam. cũng nên tóm tắt lại vài dòng và in xuống cuối trang. Ông Nguyễn-dồng-Chi có viết một chương về Tư tưởng học thuật nước Tàu buổi quá khứ trong có dẫn quyền *La Civilisation chinoise* của ông Marcel Granet: tôi tưởng nên tóm tắt lại và dẫn cả quyền *La pensée chinoise* của ông Granet và một vài quyền nữa như quyền *Histoire de l'Extrême Orient* của ông René Grousset v. v. Chương thứ năm nói về Triết lý tôn giáo Ấn-độ buổi quá khứ, cũng nên tóm tắt lại và thêm quyền *L'Inde antique et la civilisation indienne* của ông Masson Oarse', quyền *L'Inde civilisatrice, aperçu historique* của ông Sylvain Lévi v. v. Chương này có một vài chữ phạm (sanskrit) chưa sai, như chữ brahmane và chữ Vêda; brahmane là người trong giai cấp Bà-la môn là giai cấp cao nhất ở Ấn-độ, còn Vêda là kinh Phệ-đà, chứ không phải là đạo Bà-la-môn: muốn gọi là đạo phải chứa chữ Vêdisme hay Brahmanisme v. v.

III. — Có rút bớt các đoạn

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay da biết chữ nho mà muốn biết thêm:

Chữ nho học lấy } Mẹo chữ hán

Cử-nhơn Dương Bá-trạc soạn
Giá 1p — Cước 0p12

Bùi Trình-Khiêm soạn
Giá 0p35 — Cước 0p06

Đề cho: hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Đã có bản

TRIẾT HỌC KANT

ủa Nguyễn-điền-Tai Giá 1p50
Môt học thuyết mở đường cho tất cả
nên triết học Tây phương hiện thời.
Đã phát hành

VANG SAO của Chế lan Viên
In toàn trên giấy vergé bouffant
giá 2p50

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT
49 — Takou — Hanoi

không thuộc về văn học-sử nước Nam, thì mới có chỗ in những bài-dịch âm chữ Hán, mà không phải tăng số trang. Ông Nguyễn-dồng-Chi chỉ in văn chữ Hán và dịch nghĩa, không dịch âm. Tôi thiết-tưởng đối với độc-giả bài dịch âm cũng cần bằng bài dịch nghĩa và nguyên-văn chữ Hán. Lắm khi bài dịch âm còn dùng đề cải-chính bài chữ Hán. Thí dụ như ở trang 195 có chữ thượng thanh, in nhầm là sĩ-thành; nếu có bài dịch âm ra quốc ngữ, thì độc-giả đã biết ngay là in nhầm, không phải phân-vấn nữa; — ở trang 204, chữ những lại, in nhầm là huynh lại, vân vân. Có chữ in không thành chữ gì cả: như ở trang 103, chữ toàn mất hẳn mấy nét, không thể nào đọc được; trang 87, ở chữ cùng thợ khắc đem chữ thân sang chữ cung; trang 107, hai chữ điều điều in nhầm là chữ tra tra, v.v.

Lại còn một hạng chữ nhầm cũng quan-trọng lắm, là những chữ như sau này: chữ « triều-đình » ở trang 75 in nhầm « đình » là sân; câu « tâm ký chính bỹ, dĩ chi nhân dân » ở trang 196; chữ « nhân dân » là lấy lòng nhân đức đối với dân, in nhầm chữ « nhân-dân » là người dân v.v.

IV. — Không những phải dịch âm chữ Hán, lại còn phải đề rõ bài chữ Hán xuất-xứ ở đâu, và đem so bài ấy với các bài của

Trương Bác - cổ hay của Thư-viện Bảo-đại. Như ở trang 194, ông Nguyễn-dồng-Chi chép thiếu một câu sáu chữ, là câu « Nguy-nguy đoạt Biền-thước chi công ». Ở ngay dưới câu « Thời hồ trợ bệnh nhi vạn bệnh hồi xuân »: câu « Nguy-nguy... » đối với câu « Điều-diệu »: xem bộ Nam sử tập biên của Trương Bác-cổ, số A 12 quyển 2 từ 70 b. Ở trang 115 và 198, phải chữa là: « Đức chí trọng vô bất tài giả », nghĩa là đức rất nặng, không thể trở được »: nhầm như thế là tại ông Nguyễn-dồng-Chi theo bản sao nào đó, viết chữ « trọng » ra chữ « hậu ». Ở trang 196, chữ « nhược-giả tế » in nhầm là « nich-giả tế » cho nên soạn - giả dịch nhầm là « đuối được vớt »; chính nghĩa là « người yếu được giúp đỡ » v. v.

V. — Về việc dịch nghĩa, tôi tưởng cũng nên xem lại cho kỹ. Như câu: « Tự cổ Nam - Việt đế vương trị thiên-hạ giả hữu bỹ » ở trang 154, mà dịch là « Từ xưa bậc đế vương Nam-Việt trị nước cũng có nhiều kẻ » thì không được nhẽ lắm. Bốn chữ « tài sơ học thiên » ở trang 194, mà dịch là « ít tài cạn học » thì câu - nệ quá; nên đổi là « tài hèn học ít » hay là « tài hèn học kém ». Câu « Trăm duy vi nữ chủ, tài - đức câu khuyah », ở trang 155, mà dịch là: « Trăm làm bậc nữ-chúa

tài-đức chẳng có » thì hơi sai, nên đổi là: « Trăm là nữ chúa tài đức đều kém »: « đều kém » nghĩa là cũng có tài-đức, nhưng mà có ít; nếu dịch là « chẳng có » thì tức là không có tài-đức. Vân vân.

Việc làm sách học đã khó, mà lại làm sách khảo - cứu thì càng khó hơn, cần phải có người giúp. nên có vài câu bàn góp với ông Nguyễn-dồng-Chi, mong khi tái-bản ông sẽ sắp-đặt và sửa đổi lại cho quyển sách có giá - trị thêm.

Ưng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Số Xuân Quý-mùi (1948)

Số xuân Tri-Tân 1948 (quý-mùi) sẽ là một số rất đặc - sắc;

Đặc sắc vì có nhiều bài khảo-cứu rất công-phụ;

Đặc-sắc vì số đó là chỗ gặp-gỡ của những ngôi bút có danh-tiếng ở khắp ba kỳ;

Đặc-sắc vì có bức tranh phụ-bản rất mỹ - thuật và nhiều tranh-ảnh khác rất khả-quan...

TRI-TÂN

Cùng các bạn gửi bài

Các bạn có lòng yêu gửi bài đến Tri-Tân, xin làm ơn nhớ viết cho tính tường, đề chứa rộng ngoài biên và chỉ viết một mặt giấy.

Sau khi đã gửi bài nào đến bản-chí rồi, xin đừng gửi bài ấy cho báo khác nữa.

Vì bài nhiều mà khuôn khổ tờ báo có hạn, nên bản - chí cần phải lựa chọn kỹ càng và lúc nào tiện dịp mới đăng dẫn được.

Bài nào không đăng, xin miễn trả lại bản cáo. — T.T.

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT

chuyên bán buôn

và nhận đặt khoán các thứ hàng nội-hóa như:

Douppion, Shan-tung, Faux-shantung, Lin, Faux tropical, Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô gạo, vân vân.

Nơi giao dịch:

N° 2, Rue Strassbourg,
Haiphong

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0p50 bằng timbre để làm cước phí.

Cách đặt tiếng Việt mới dùng LÀM CHỮ CHUYÊN-MÔN

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

XEM bài trước, độc giả đã thấy điều tối cần hệ là: Những chữ chuyên môn chưa có thì phải đặt ra mà dùng không dịch được.

Phải đặt ra nhiều lắm. Phải đặt ra hàng vạn, hàng triệu tiếng. Phải đặt ra những chữ chuyên-môn người ta có mà mình chưa có để đánh. Lại phải có thể đặt ra những tiếng chuyên môn hiện giờ các nước chưa dùng có mà sau này tùy theo sự tiến đạt của khoa-học Việt-nam mình phải có trước thiên-hạ cũng nên. Lúc bấy giờ các nhà khoa-học chuyên môn của mình dựa theo chữ chuyên môn của nước nào mà dịch với mượn?

Khi nào nên có chữ chuyên-môn? Hễ vì sự cần dùng để viết, để nói cho gọn gàng mình bạch mà mình có thể đặt ra một chữ chuyên-môn để rút nghĩa của cả một đoạn, một câu, thì đặt ra mà dùng. Cái chữ mình đặt ra đó dùng riêng trong một khoa, gọi là chữ chuyên-môn.

Không phải chỉ ở trong khoa học mới dùng đến chữ chuyên-môn đâu. Khi những chữ chuyên-môn mới đặt ra được công nhận rồi, được thiên-hạ thông dùng rồi thì chúng thành ra thường ngữ tự có nghĩa tí-mỉ.

Chuyên-môn tự và thường-ngữ tự nhiều khi vẫn là một chữ nhưng dùng trong hai trường hợp khác nhau. Khi dùng ở trong chuyên-môn ngữ thì nó là chuyên môn tự, khi dùng nó ở trong thường ngữ thì nó là thường ngữ tự. Những chữ như *cây, bặt, nái, sề, vớ* trong: *đường, điếm* toàn là những chữ chuyên môn hay là có thể thành ra chữ chuyên-môn cả khi khoa học cần đến, nhưng chúng vẫn có tự bao giờ ở trong những thường ngữ.

Khoa-học tiến mãi, mình còn phải đặt mãi ra những chữ chuyên môn. Mình phải có thể tự mình đặt ra chữ chuyên-môn, không phải dựa vào tiếng nước nào cả.

Phải có cái cao vọng rằng sau này người mình cũng có những cái sáng kiến để góp với thiên-hạ mà bổ khuyết cho cái nền khoa học của nhân-loại. Có phải chỉ chờ người ta tiến được bước nào thì mình lại theo gót người ta bước ấy đâu.

Giá thử người mình có cái óc khoa-học trước người Âu-châu, biết những điều khoa học hiện giờ các nhà chuyên-môn của mình biết mà Âu-châu lại chưa biết thì các nhà chuyên môn của mình sẽ làm thế nào mà đặt tư tưởng nhỉ?

Hỏi thế để các ngài hiểu cho rằng về khoa học, nếu không có tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Tàu, tiếng Mên, tiếng Lào để cho mình dựa vào đó mà « diễn-âm » hay « diễn-nghĩa » thì mình phải nghĩ ra cách để đặt ra chữ mới mà dùng, cần đến đâu phải có đến đấy.

II — Cần phải đặt thì đặt ra làm sao?

Đặt thế nào cho ra tiếng an-nam thì đặt. Xưa kia ông cha mình đặt ra làm sao cho mình có tiếng có chữ mà dùng thì bây giờ mình lại theo thế mà đặt. Có đặt theo lối ông cha mới là tiếng annam rờng. Nghĩ vậy nên tôi mới mang tiếng mẹ đẻ ra mà khảo-cứu cho biết thế nào là tiếng Việt-nam, cho biết tiếng Việt nam có biến hóa này nọ không, và đã biến hóa này nọ ra làm sao để theo đó mà đặt ra chữ mới khi cần dùng đến.

1 Tiếng Việt có phải là một thứ tiếng độc vận như người ta nói không? Độc vận thì hiện giờ và sau này nó sẽ ra làm sao? Có thể nhờ vần quốc-ngữ, thành ra một thứ tiếng đa vận không?

2 Những giọng ở trong tiếng Việt, và vì những giọng ấy tiếng Việt biến hóa và sau này ra làm sao?

3 Tiếng Việt có phải không biến hóa invariable như người ta nói không? Hạn vận nó sẽ ra làm sao?

Ba điều đó giải cứu rồi, viết thành ba bài nhan đề chung là những bản năng ấy tiếng Việt tự nhiên phải ra thế nào? Les caractères des mots annamites et leurs conséquences.

4 Bài thứ tư khảo cứu riêng về những luật tự nhiên về âm hưởng; theo những luật ấy tiếng Việt đã biến hóa và nảy nở ra làm sao? Les lois phonétiques de l'évolution des mots et expressions annamites.

Viết bốn bài như thế tôi mới viết đến bài mang uốn tiếng Việt để dùng trong khoa học, hay là cách đặt tiếng Việt mới để dùng làm chữ chuyên-môn mà sau này gồm lại mình có thể gọi là Việt nam khoa học ngữ được.

Có làm như vậy mới có qui-cử chắc chắn.

III — Phải đặt cho có phương pháp

Trong bài *Adaptation* đăng ở Annam Nouveau tôi có chỉ cái phương-pháp tôi định dùng để đặt tiếng Việt mới, dùng làm chữ chuyên môn; nhưng không nói tại làm sao, cốt ý để cho các nhà khoa học suy luận hẳn oải cho chán đi đã, vì tôi biết trước rằng hẳn hẳn oải cho vỡ lẽ thì thế nào cũng phải tìm ra cái phương pháp ấy. Thế nào cũng phải kết luận rằng chỉ có cái phương pháp ấy mới dùng được để viết khoa học cho dễ hiểu, cho hợp với tính cách khoa học và hợp với tinh thần tiếng Việt nam.

Cái phương-pháp ấy gồm có hai lối:

- 1 Việt hóa tiếng ngoại quốc, và
- 2 Cải hóa tiếng Việt-nam bằng cách nói liú Contraction và cách nói lái métathèse.

..

Xưa nay một thứ tiếng nào này nở bành chương, phồn thịnh cũng không ngoài 3 lối là:

TRI-TÂN TẬP-CHÍ

1 Ghép chữ sẵn có Composition

2 Cái chữ sẵn có dérivation và

3 Mượn chữ nước ngoài

Mỗi lối lại có nhiều cách.

A Lối ghép chữ có hai cách :

1 Ghép chữ có biến thể. Cách này tiếng Việt không có, tiếng Pháp có, ví dụ : Com-poser, décom-poser ; gendarme (gent d'arme) alarme (à l'arme)

2 Ghép chữ không biến thể, tỷ như Arc-en-ciel.

Người Pháp gọi cái thành ngữ (expression Arc-en-ciel là một danh từ kép hay một chữ un mot) kép, hợp lẽ lắm vì tiếng Pháp là một thứ tiếng đã vận từ arc-en-ciel đến gendarme, alarme không xa nhau bao nhiêu, cả về tính-tần (sens) cho lẫn hình-thức forme. Chỉ khác có cái : một đằng viết rời từng chữ ra, rồi nối chúng lại với nhau bằng những cái gạch, một đằng theo âm viết liền mấy chữ lại với nhau mà không kể gì đến hình-thể riêng của mỗi chữ.

Trong tiếng Việt, dầu có viết liền hai chữ cẩu-vong, đầu-hỏ, gáy-lít, sớ-rét, lại là một thì nghe nó cũng vẫn tách ra hai vần, hai chữ, không thể thành một chữ un mot được ; nếu không thể dùng cách ghép chữ để đặt ra chuyên môn tự được.

B Lối cái chữ có nhiều cách nhưng không ngoài hai lẽ chánh là vô tình và hữu ý.

Nói mau hai chữ nó riu lại là một, như *chị ấy* thành *chỉ*, *hai mươi* thành *hăm* ; nói mãi lâu dần nó sai đi tỷ dụ *mục kích* thành *mục - đích*, *giáo đa* thành *gao tra* ; vần vẫn là vô tình. Hễ ngẫu nhiên mà thành ra là vô-tình.

Dựa vào những cái ca vô tình để đặt ra chữ mới, tỷ dụ như những chữ *Vendémiaire*, *Nivose*, *Germinal*, *Messidor* của *Fabre d'Élancine* và tất cả các chữ chuyên môn trong khoa-học của người Pháp đặt ra là hữu ý.

Nhiều khi vô tình nhưng cũng có khi hữu ý, Annam mình đã cái chữ bằng nhiều cách lắm. Có khi đổi giọng accent có khi đổi khuôn articulation ou consonne có khi đổi âm son ou voyelle có khi đổi loại chữ nọ sang loại chữ kia changement de nature có khi kéo dài ra ; có khi chùn ngắn lại, cả thấy có đến mười lăm cách, chớ xem bài *les lois*

phonétiques de l'évolution des mots et expressions annamite ».

Nhưng thiết hữu ý, dựa vào những cái ca có sẵn để đặt ra thì chưa có trừ khi nào kiêng - kỵ những chữ húy thì mới miễn-cưỡng đổi giọng, đổi vần, đổi cách viết. Sau thành thói quen, hề muốn kiêng-nể ai, không muốn gọi tên người ta ra thì nói trạch đi, tỷ dụ ông Ba kêu là ông Bơ. Mình không dám đặt ra chữ mới mà dùng là vì óc mình cân - nệ, tình mình cầu-thả không để ý đến tiếng mình nói, không tra khảo xem nó biến - hóa nấy nó ra làm sao.

C Lối mượn chữ có hai cách.

1, Không biến thể. Annam không có lối này, một là vì tiếng Việt là một thứ tiếng độc vận hay lưỡng vận. Chữ lưỡng vận mot simple dissyllabiques là chữ có hai vần syllabes mà chỉ có một nghĩa tỷ dụ như lũng - thưng, bãng - khuảng, mò-o, thài-lài, các-kò. Những chữ như vậy, viết bằng văn écriture alphabétique đúng lý phải viết liền hai vần lại là một. Nhưng tiếng an-nam là một thứ tiếng có giọng accent nên viết rời hai vần ra rồi nối chúng lại bằng cái gạch phải hơn. Trong tiếng Việt, xét ra chỉ có những chữ như thế, với những danh từ chỉ tên riêng noms-propres, mới cần phải nối lại với nhau thôi.

Hai là vì cái âm điệu hay là cái khuôn âm riêng của mỗi thứ tiếng Sytème, spécial à chaque langue, de dispositions des organes de la voix dans la production des phonèmes.

2. Mượn chữ mà có biến thể. Vì những cái khuôn âm của một thứ tiếng bao giờ nó cũng liên-lạc mật thiết với nhau mà thành một thống hệ riêng système cohérent de phénomènes spécial à une langue nên ngay khi người An-nam mượn tiếng Tàu là một thứ tiếng độc-vận, mà những chữ mượn nó cũng đổi âm, đổi giọng theo âm-điệu annam. Tất cả những chữ nọ là tiếng mượn của Tàu mà đã biến thể theo điệu tiếng an-nam. Tiếng *thưng* tiếng *dao* là tiếng của người thường dân mượn của Tàu. Chữ *«hằng»* chữ *«đạo»* là của người học thức mượn của Tàu. Thường dân hay học thức mượn của Tàu, thì những

Thống chế Pétain đã nói :

« Các người phải tin cậy bản chức và bầy giờ, bản chức phải có mệnh lệnh này ban ra : ai ai cũng phải làm tròn nghĩa vụ trong vòng kỷ luật, trật-tự, bình-tĩnh ».

chữ ấy cũng không còn âm-điệu tàu nữa

Xưa kia mình viết hóa tiếng tàu như vậy, bây giờ mình viết hóa tiếng pháp cũng thế. Tiếng pháp sang tiếng ta, nó thành ra những chữ độc vận hay lưỡng vận và theo âm-điệu annam.

Nếu tiếng Pháp có một vần bên mots à une syllabe sonore sang tiếng ta nó thành tiếng độc vận, tỷ dụ *cao* thành *ca*, *pile* thành *bin*, *soude* thành *xát* *lalle* thành *lát*.

Nếu tiếng pháp có hai vần kêu sang tiếng annam nó thành ra tiếng lưỡng-vận, tỷ dụ *potasse* thành *bột tạt*, *nickel* thành *ních-kén*, *Cà phê*, *xà phòng* là tiếng lưỡng vận.

Tiếng pháp nếu có từ ba vần kêu trở lên, sang tiếng Việt nó sẽ thành tiếng độc-vận, tỷ dụ *enveloppe* thành *lớp* *casseroles* thành *xoong*, *aluminium* thành *nhôm* hay *dom*.

Tại sao như vậy ? Tại tiếng an-nam rỗng không có tiếng ba vần. Người An-nam nói tiếng tây thường cứ tach-bach ra từng vần, lại thêm giọng huyền ảo bồi nặng nề vào nên nghe nó chướng tai và lúng túng. Cao ông thanh tra người Pháp khi đi khám trường thấy học-trò nói vấp lại cứ tưởng lầm là họ nói mau quá. Khi tiếng pháp sang tiếng ta thì nó thành ra chữ độc vận hay lưỡng vận, mà hễ lưỡng vận thì có dấu giọng ngay,

Sai một ly đi một dặm, chỗ này ta lên đề ý. Theo các nhà ngữ tự học khảo-cứu, thì trong một thứ tiếng une langue hệ tiếng nào (phonème) không hợp với cái âm-điệu hay cái thống-hệ khuôn âm của système de phonèmes sẽ bị đảo-thải ngay «Tout phonème incohérent au système tend à disparaître».

còn nữa

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

TƯ Chợ Rã tới Phủ-Thông 42 cây số hai bên dọc đường không có hàng quán để nghỉ chân ăn uống.

Đi được 18 cây số thì tới Đèo Ngao cao hơn mặt bể 382 thước (Chợ-Rã cao hơn mặt bể 210 thước tây). Vì trời nắng, ngựa lên dốc vất vả. chúng tôi nghỉ chân, cho ngựa ăn cỏ và tiện thể đem các thực-phẩm ra ăn trưa để khỏi mất thì-giờ.

Lính đồng lấy dao chặt tre vót đũa, cắt cành chuối rải xuống rìa đường, chặt một đoạn nữa làm cốc hứng nước suối trên núi chảy xuống, rồi cùng ngồi ăn rất vui-vẻ, dưới bóng một cây cổ-thụ ruôm-rà. Ăn uống xong, chúng tôi lại cho cắt thêm ít lá chuối rải ra đường làm chiếu nằm nghỉ. Thực là «chiếu đất, màn trời», đúng như mấy câu này trong bài *Từ đức tụng* ở Cổ vân: «Mạc thiên, tịch địa, túc ý sở như». Rồi chúng tôi thiu-thiu ngủ dưới làn gió heo-hu-mát..

Sau khi người ngựa đã lại sức, chúng tôi lại khởi-hành. Dọc đường có nhiều suối to, chảy mạnh, thỉnh thoảng cạnh bờ suối, có đặt cối giã-gạo, nhờ sức nước quay guồng hom khế, để cối tự động. Cũng là một sáng-kiến rất hay của dân thổ trước vậy.

Rồi qua Phủ Mật là một nơi buôn bán sầm-uất, có nhiều hiệu khách. Cách Phủ Thông 10 cây số, là Đèo Mĩ-vi cao hơn mặt bể 426 thước tây.

Còn 3 cây số tới Phủ Thông thì trời bắt đầu tối đen như mực. Chúng tôi phải xuống ngựa giao cho đồng dật, nhưng may nhờ có ánh sáng của những luồng chớp, nên còn nhận được đường đi.

Về đến Phủ Thông đã muộn, nên tìm được một nơi trọ rất là vất vả. Phủ Thông phần đông là khách trú rất lịch-kỷ, hỏi thăm rất khó. Mãi sau mới tìm được nhà trọ và nơi gửi ngựa. Thực là «sầy nhà ra thất nghiệp».

Qua một đêm lưu-trú tại Phủ Thông, sáng hôm sau, sau khi

người ngựa ăn uống no-nê, chúng tôi phụ-cấp cho đồng và phu một số tiền và ngoài ra số tiền đủ ăn đường để họ đưa ngựa trở lại Ba-bể, rồi về Như-viền.

Phủ Thông xưa là phủ-ly, phủ Thông-hòa thuộc tỉnh Thái-nguyên, hồi chưa đặt tỉnh Backan.

Ngày nay, phủ Thông-hòa đã không còn nữa để nhường cho phủ Bạch-thông tại tỉnh ly Backan. Phủ thông chỉ còn là một nơi buôn bán, có nhiều Hoa-Kiều mở cửa hiệu, có chợ, có ô-tô nối liền với Ngân-sơn và Backan.

Ngày hôm ấy, đúng phiên chợ Phủ-thông, có nhiều giống thỏ-trước đem các thứ nông-sản và lâm-sâm ra bán. Có nhiều mật ong, sáp ong, mộc-nhĩ, măng, gà, vịt, ngỗng, gạo, ngô, mà nhất là đào rất sẵn.

Chúng tôi nhân ngồi chờ ô-tô ở Ngân-sơn về, để đi Backan, thấy cô gái Thổ gánh đào đi qua bên mua cả gánh đem về làm quà để pho với các bạn mình mới ở «Đào nguyên lạc lối» về Hanoi. Sau khi nhận tiền, cô Thổ trao cả hai sọt đào và đòn gánh làm bằng ống tre cho chúng tôi, rồi về người không vì thiếu gì tre nữa trong rừng. Thực khác với khách thương-mại đường xuôi, chỉ bán hàng, còn quang gánh đem về, lần khác lại dùng.

Ô-tô hãng Sitgar từ Ngân-sơn về tới Phủ-thông 9 giờ. Chúng tôi đáp ô-tô đi Bắc-kạn. Tới Bắc-kạn sang ô-tô khác cùng hãng có kèm «remorque» đằng sau để chứa đồ hàng. Ô-tô rất rộng-rải, ghế ngồi cao, dưới gầm đủ chỗ để hành-lý.

Cũng một nghề vận-tải bằng xe hơi, cũng qua miền sơn-ước như nhau, có khác chỉ khác người giám đốc, thế mà cách tổ-chức của người Pháp trên đường Backan có thứ tự, có tỉn-nhiệm, làm hài lòng

Đu - kỷ

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 14

NHẬT-NHAM

hành - khách mà mỗi ngày càng thêm phát-đạt mở mang. Trái lại, người mình phần nhiều chỉ vì lòng tham mà không nghĩ gì đến việc tổ-chức để bổ-khuyết những cái cần-thiết cho sự tiến-bộ của nghề mình. Trông người lại ngắm đến ta, bao giờ cho theo kịp bằng người.

Bắc-kạn ngoài mấy rừng thông đẹp để và các công sở làm trên các đồi núi, so với Tuyên-quang có vẻ kém phần sầm-uất.

Backan cách Hanoi 162 cây số. Đến cây số 121, có đồn Bang tá Chợ-Mới trên bờ sông Cầu, phố-x đông vui.

Bắt đầu từ cây số 119, 4 là sang địa-phận tỉnh Thái-nguyên.

Đến cây số 108, có đường rẽ sang Chợ Cũ dài 20 cây số, có ô-tô vận-tải.

Mỗ than Phấn-mễ ở ngay cây số 92. Cách 3 cây số nữa, ô-tô qua đường sắt nối mỗ than Phấn-mễ với mỗ thiếc Làng Hit.

Tỉnh-ly Thái-nguyên cách Hanoi 75 cây số. Ô-tô đỗ chờ thư. Chúng tôi xuống xe, vào thăm chợ Thái-nguyên ngay gần đấy, nhân mua được ít chè Thái-nguyên đem về làm quà.

Ô-tô lại chạy đến cây số 42 là địa phận Phúc-yên, rồi chẳng bao lâu qua Phù-lỗ, Đông-anh, Cồ-loa rồi vào địa phận tỉnh Bắc-ninh ở cây số 12, 6.

Sau khi qua cầu sông Luống dài 229 thước, vượt 10 cây số đường

nhựa, ô-tô chạy qua cầu sông Cái, sang Hanoi rồi đỗ tại chân cột đồng-hồ bờ sông để đỗ hành-khách.

Lúc ấy 6 giờ chiều ngày 9

Jaillot 1942.

Cách mấy hôm sau, có tin lút khắp nơi, Chậm ít ngày, có phở không kịp khởi-hành mà cuộc du-ngoạn không thành; hoặc nếu đã khởi-hành, đường về cũng nhiều nỗi khó khăn chắc-trở? Cho nên cuộc du-lịch hồ Ba-bể được thành công là do một cái nhân-duyên vậy!...

1er Jaillot 1942, khởi-hành từ Hanoi, 9 Jaillot 1942, về tới Hanoi, trong vòng 9 ngày trời, nào đi ô-tô, nào đi bộ, nào đi hỏa-xa, nào đi ngựa, nào đi thuyền, nào lội nước, khi xuống dốc, lúc treo, dèo, khi vất vả, lúc thanh-nhàn, khi mưa, lúc nắng, khi vui mừng, lúc bức-tức, biết bao cuộc đổi thay mà duy chỉ một tấm lòng thủy-chung đối với mọi người, chỉ lấy chí quả-quyết, nhẫn-nại để phấn-đấu với mọi nỗi khó-khăn vất-vả mà đi được tới đích ca khúc «khải-hoàn».

Suy rộng ra đến cuộc đời cũng vậy mà thôi. Đời người ta không phải là con đường bình-thản không gai góc, để ai ai cũng đều có thể vượt qua một cách dễ-dàng từ đầu đến cuối. Người phú quí chưa dễ đã suốt đời hào quý tôn vinh, mà kẻ hàn-tiền chưa chắc đã phải cả đời phong-trần chìm nổi! Cho nên thấy hay chưa đáng mừng mà gặp dở cũng chưa nên vội chán! Điều cốt yếu là phải cố gắng vun giồng cây đức cho vững vàng để duy-trì nền phú-quý và đem nhẫn-nại để phấn-đấu với cảnh hàn-tiền, thì cuộc đời sẽ không đến nỗi buồn tẻ mà còn đem lại cho ta một cái tương-lai rực-rỡ...

«Giống nước nọ thường không

«Lửa nóng kia cũng cháy chẳng

«Mặt trời mọc rồi sau cũng lặn
«Mặt trăng kia cũng vẫn khuyết đầy.

Cho nên việc đời thành-bại, cuộc thế thịnh suy, đều gốc ở hai chữ «cần, nhẫn» mà đã cần nhẫn thì việc khó hóa việc dễ, việc dễ hóa việc không.

Muốn kết luận thiên du-ký này tôi xin nhắc lại hai câu thơ chữ nho của cổ-nhân;

Nhất cần th ền hạ vô nan sự,
Bách nhẫn đường trung hữu thái-hòa.

NHẬT-NHAM

Khản cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên
kịp gửi ngay man-
dat về trả cho, chúng
tôi rất cảm ơn các
bạn

TRI TÂN

Vì chật chỗ nên bài «Cái chết của chó sói» phải gác đến kỳ sau, xin bạn đọc lượng thứ.

Hộp thư

Ô. Lê-mộng-Bảo, Huế. — Để nhận được bài X. v. l. t. Cảm ơn.

Ô. Vũ-Khánh, Hải-phong. — Bài Đ. g. t. của ông, vì một lẽ riêng, không đăng được. Xin lượng thứ.

Đón coi!

1/ Văn thơ tiếng ta của ĐỒ-THỨC

2/ Phương-pháp trị lao thuở xưa của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGON

3/ Xét nhân sinh quan của một số nhà văn đồng-phương qua thi phẩm họ. của HOA-BẮNG

4/ Họ Đinh ở Hàm-giang của TIẾN-DAM



Hàng Phường trên sông Năng
Tranh vẽ của họa sĩ Trịnh-Vân

Nam đàn bát châu tục thảo

Lối thơ tân thành lập

Số 9

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

XVI

Long trì thiên

Thăm Thuyền Kỳ

Nguyên Đường-âm:

Long trì được long long dĩ phỉ;
Long-đức tiên thiên thiên bất vi.
Trì khai Thiên hán phân Hoàng-đạo;
Long hướng Thiên môn nhập Tử vi.
Đề đệ lâu đài đa khí sắc;
Quán vương phủ nhận hữu quang huy.
Vị báo hoàn trung bách xuyên thủy;
Lai triều thử địa mạc tiên qui.

Dịch Nam-đàn:

Rồng đã bay, ao rồng rồng biến hóa;
Đức rồng linh, trời quả chẳng xa.
Ao mở rộng, rồng hiện ra,
Rẽ máy Hoàng đạo, vào tòa Tử vi.
Chim phủ nhận, quang huy, nhận trạch;
Vẻ lâu đài hách dịch, thanh tân.
Báo cho sông nước xa gần;
Chầu lại ao thần, chậm xuống bề khơi.

Chú thích:

Long-trì — Tên một cái ao chỗ cựu-đề của vua Huyền-tôn, chỗ vua ở khi tiếm-long gọi là cựu-đề.

Rồng đã bay — Vị thánh-nhân lên ngôi thiên-tử. Kinh dịch: « Phỉ-long tại thiên ».

Hoàng-đạo — Thuyết thiên-văn cổ: Mặt trời đi có ba đường, là xích đạo, hoàng đạo, hắc đạo; duy hoàng-đạo là chính-trung.

Tử-vi — Thuyết thiên-văn cổ. Bắc-cực là nơi thiên-khu, là chỗ trời ở, gọi là tòa Tử-vi. Mặt trời rẽ hoàng đạo vào Tử-vi vì vua no đường chính lên ngôi bầu (thiên-khu nghĩa là cột trời).

Phủ-nhận — Chim phủ chim nhận; phủ nhận theo rồng, vị bách quan theo vua.

Sông nước xa gần — Vị thiên hạ nhân tâm.

Ao thần — Trỏ nơi Long trì

Thơ này thuộc thể lữ, ý khuyến cáo nhân tâm qui thuận nhà vua để tỏ lòng trung ái. Long trì thiên cũng như Long trì khúc, Long trì tụng vậy.

XVII

Ngày xuân, ngự du Vọng-xuân-cung, ửng chề.

TÔ-ĐÌNH

Nguyên Đường-âm:

Đông vọng Vọng xuân, xuân khá liên,
Cánh phùng linh nhật liễu hóm gien,

Cung trung hạ kiến Nam sơn tận,
Thành thượng bình lâm Bắc đầu huyền.
Tế thảo thiên thừa hồi liên xứ;
Phi hoa cổ lạc vũ tràng tiền.
Thần du đối thử hoan vô cực;
Điều lộng ca thanh tạp quán huyền.

Dịch Nam-đàn:

Cung Vọng xuân ngày xuân êm ả;
Liều xanh xanh, nét khói tả mầu xuân.
Mây tầng thanh biếc cung Ngán,
Dọc ngang bắc đầu xa gần Nam san.
Cổ sinh sắc, trước xe loan mừng rỡ đón;
Hoa hữu tình bên chén ngọc tả rơi bay.
Ngự du la cuộc vui thay;
Ty trúc sum vầy, yến hót, oanh ca.

Chú thích:

Ứng-chế — Phụng chiếu lệnh vua mà làm thơ.
Thanh biếc cung Ngán — Nguyên là cảnh tiên, thường dùng để nói cảnh nhà vua.

Bắc-dầu — Bờ thành xây dọc xây ngang, khải khúc như hình sao Bắc đầu. Thơ này cũng thuộc về thể lộng.

(Sẽ tiếp)

Hà-đông, NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

TIỀNG ĐỘNG

Lá trút rừng khua ngổ đổ mưa,
Tiếng trùng eo óc, bong tràng cô.
Ngậm ngùi sơn nữ nhìn sương khói,
Một giai mây sáu vật lừng lơ...

LEN NÚI

Tha thướt lộng đèo mây áng mây,
Buông lên rải rác lá hoa dầy.
Thần thơ lạc bước vào trong khói,
Thập thoảng bên ngàn giải áo bay...

LA RỤNG

Theo gió đưa lên la rụng nhiều,
Kùng sâu đưa họa tiêng thông reo.
Ven đồi lữ khách nhìn ngơ ngác
Nhặt lá mình ai dưới bóng chiều.

bà MỖNN SƠN

Bản chỉ cần những số báo cũ này:

4, 5, 10, 18, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 25,
26, 27, 30, 31, 32, 33, 59, 60, 61.

Vậy ai không dùng đến xin đem đến hay gửi về
bản quán, chúng tôi mua lại với cái giá in ở mặt báo.
Đa tạ.

Vài giông tùy bút

CHIỀU THU TIỀN BAN

PHẠM-MẠNH-PHAN

TRÊN sân ga hàng Cỏ, một buổi chiều tà, giữa lúc thu về, gió xào xạc trên nhánh cây ngọn cỏ, giữa lúc khách cô đơn xào xuyến về lòng băng-khuáng như con thuyền vô định trôi trên giông nước xa xăm, thì bạn tôi, một trang niên thiếu sắp từ giã Hà-thành mà cất gót lên đường tình cuộc mưu sinh.

Người ấy công nợ sách đèn vừa trả, đã làm đẹp lòng hai đấng song thân vì công đã thành danh đã toại.

Người ấy bao năm vật lộn với thần may rủi, bao năm đã từng phen lận đận những tưởng mình vô duyên với nghề thi cử. Thế mà mảnh bằng kia rồi cũng phải qui hàng trước lòng kiên nhẫn của kẻ sĩ bền gan chiến đấu.

Đến nay, sau những ngày mưa gió, trời đã quang mây đã tạnh bạn tôi đã bắt đầu thênh thang trên đường tiến thủ.

Chiều ấy trước cảnh lấp nập ồn ào, con tàu đã đợi sẵn để đem bạn tôi vào với non nước Sài-thành mà kết duyên tri ngộ.

Thế là từ nay, cảnh đại các của chốn đế-đô xưa phải tạm thấy vắng bóng một người.

Thế là từ nay, người bạn thân yêu của tôi đã từ giã cả mọi người đề ra đi, đáp theo tiếng gọi của danh vọng tiền tài đã quyến rũ bao người triền miên trong giấc mộng «bỏ vàng» của những ngày niên thiếu.

Bạn tôi đi đành rằng một ngày kia trở lại, nhưng tình bằng hữu bao năm gần bó tránh sao cho khỏi gieo rắc vào lòng khách những

ý nghĩ băng khuáng trong lúc tạm chia tay kẻ Nam người Bắc.

Ra đi, bạn tôi dầu đang trong tuổi anh niên, nhưng như tâm hồn cũng rung động mà lòng băn khoăn nặng trĩu cảm hoài về nỗi phân ly...

Song cuộc thế có tan rồi lại hợp, Bắc, Nam dù đôi ngả nhưng giang sơn vẫn nước non nhà.

Trong giờ phút thiêng liêng của tuổi trẻ, chúng ta ai không ham sống những cảnh đời sôi nổi mà tâm gọi với gió mây; ai không mãi mê thả hồn trong những khúc tuyệt vời với những chuyện trời Nam biển Bắc vu vơ; hai chữ biệt ly phỏng có nghĩa gì với đời niên thiếu mà trong tình nhớ nhung ta nữ đề vẫn mộ táng mấy buồn?

Bữa đó, bạn tôi ra đi giữa những lời thán mặt của gia-đình, giữa những lúc cầm tay nhủ nhủ của bạn-bè triu mến những lòng mong tin «nhận» một khi xa cách.

Đứng trên sân ga chật ních những người, tôi những mừng cho bạn mà lại phân vân vì bạn.

Mừng vì nay bạn đã trả nợ sách đèn thấy những phát vịnh quang cho bỏ những ngày cặm cụi dùi mài khuỷa sớm. Mừng vì đây trên con đường danh lợi bạn sẽ ung dung nhẹ bước mà gặp những ngày tươi sáng.

Nhưng đứng trước trường đời bao ngả, chẳng biết rồi đây bạn có thắng nổi những quyến-rũ mê hờn sẽ lam mờ mắt bạn trên con đường sự-nghiệp như bao kẻ thiếu niên anh-luẩn?

Trước những kẻ đem lời ong-

bướm mà cột trỉ nam nhi, đem sắc đẹp mà mê-hoặc lòng người, trước những lời khêu gọi của thu say sưa về xác thịt, chẳng biết bạn có đủ nghị-lực, giữa lớp sóng đời, mà giữ vững tâm hồn khỏi một ngày kia sa ngã?

Chẳng biết rồi đây bạn có như trăm nghìn kẻ khác, lự-dị hẳn với sách đèn, sống ươn hèn ích kỷ trong ao tù trưởng-giả, để tri thông-minh hoen rỉ với thặng nạn mà làm một trò cười cho người thức-giả?

Chẳng hay bạn có sẽ như ai đem tri hăng-hái của tuổi thiếu thời mà tiêu phí cạnh khay đèn khời thuốc, đem óc sáng-suốt mà vật lộn với thần Đê-bác suốt sáng thâu canh?

Trước sức cám-dỗ của đồng tiền, trước sự lèo-loạt của giàu sang chẳng biết bạn có gìn-giữ lương tâm trong trắng cho khỏi mờ nêl thanh-giá của cảnh nhà nho...

Tôi triền-miên mãi với những ý nghĩ ấy, bỗng hồi còi giục-giã phát chia tay, con tàu từ từ ra khỏi ga mà lao mình trong đêm tối đem theo bạn tôi xa cảnh núi Nùng sông Nhị.

Tôi trở lại với Hà-thành hoa lệ mà ôm mộng đẹp phụng thờ ngòi bút, không hăng nghĩ đến kết-quả còn im lìm trong vô định của ngày mai.

Gặp chuyển tàu cặp bến, chợt nhìn thấy những ai lấp-nập đi về kẻ đón người đưa, tôi sức nhớ tới những lúc viễn du quay gót trở về, không kẻ đưa người đón mà riêng những cảm thấy nỗi cô đơn thấu lạnh cả tâm hồn.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Quán cũ trong sương

Đồng không sương sớm chưa tan,
 Trường đình quán cũ bên đường trơ trơ.
 Đây là chốn nên thơ bao vẻ
 Của người xưa chia sẻ biệt ly;
 Nước non ngàn dặm ra đi,
 Đầu đầy trắng sí nhung y rở ràng,
 Hải xanh biếc lầu trang mấy kẻ,
 Lặng nhìn nhau khôn hé môi hồng;
 Dừng dẫu khi thấy vầng đông.
 Kể về gáo phượng, người trông biển thành..
 Rồi những khách trăm anh thế phiệt,
 Nấu sử kinh đây biết bao công.
 Vẫy vùng gặp hội mây rồng.
 Trường an giông ruổi, hễ đồng một hai;
 Đón vó ngựa, đây vài thân hữu,
 Tiễn đưa nhau chén rượu men nồng;
 « Chén nhau phí chỉ tang bồng,
 Áo thay sắc tía, tên lồng bằng son...
 Cũng có kẻ héo đơu hình sấu,
 Ghé vào đây nhấp chén ly bôi;
 Vợ con nhà cửa xa xôi,
 Đưa nhau cũng khách quê người thương nhau...
 Lại có kẻ râu rầu nét mặt,
 Nhưng ngang tàng khí sải ai đương,
 Lời ngay nên nổi tai ương,
 Một lòng trung trực, coi thường lợi danh;
 Vàng sảo chỉ, biến thành lừa thú,
 Dừng lại đây tạm rũ phong sương;
 Sương tan rồi lại lên đường,
 Gốc cây là bạn, bốn phương là nhà...

Bao thế sự xóa nhòa rêu phủ,
 Còn lại đây quán cũ, vài gian,
 Trong sương lặng đứng mơ màng.
 Gọi lòng cho khách qua đường nhớ nhung...

HÀNG-PHƯƠNG

Buồn

Giọt sương sa, mây nước lặng tờ,	
Mấy tiếng tơ	Chiều thuyền mơ
Thồn-thờ	Trên mặt hồ
Trong cõi	Xa tít
Cùng-ọ	Nối chân giờ
Hư-vô,	Mơ-mặt
Ta say-sưa	Khỏi hơi.
Theo dõi	MINH-TUYỀN

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc
 70, Bach-mai-Hanoi zone

Xuân Quý-mùi (1943)

Xuân sẽ đem đến
 cho ta muôn nghìn
 màu-sắc vui tươi;

Xuân sẽ khoắc cho
 đất nước non sông
 những tấm áo xinh-
 xinh, rực-rỡ;

Xuân sẽ gieo vào
 tâm-thần ta biết bao
 hi-vọng tốt-đẹp...

Muốn tỏ ra thường
 xuân một cách
 thanh-tao, mỗi gia-
 đình nên có một số
 Xuân Tri-Tân năm
 Quý-mùi (1943).

At muốn viết thư trao
 đổi ý kiến về các vấn đề
 tình thần xin gửi đến

Monsieur **Tứ - Hà**

Boite Postale 74 - Sa'gon

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công số giá gấp đôi
 Mua báo xin gửi tiền trước

Tài-liệu đề đình-chính những bài văn cổ

Số 49 Ưng-Hồe NGUYỄN-VĂN-TỔ

CXXXV

Kim Vân Kiều

bài nổi

QUÁ chiều trước đã chán - chương yển
anh chép theo kinh - bản của cụ Kiều
oánh Mậu, tức là quyển Đoạn trường
tán thanh từ 13a Bản nôm của hiệu
Quan văn Đường và bản quốc - ngữ của ông
Nguyễn văn Vĩnh in là « Quá chiều nên đã... »,
Quyển Kim Vân Kiều truyện chủ viết là « Quá
chiều nên nổi... ». Câu này theo chữ trước phải
hơn, vì Thời với Trương xem Tỉ-tán kỳ trước có
tư-thông trước, nên sau hóa ra chán nhau. Cụ
Kiều - oánh - Mậu dẫn truyện « đời Đường có
Trương-Cung và Thôi-oanh-Oanh cùng gặp nhau
ở mái tây chùa Phở-cứu, sau Trương lấy vợ khác,
Thôi cũng lấy người chồng khác, không xứng-
dáng »

Mà lòng rẻ - rúng đã rình một bên.

Ông Vĩnh chép là « đã dành một bên ».

Xui duyên dằm-thắm, ra duyên bề-bàng.

Các bản khác đều chép là « cho duyên ».

Còn thân còn một đềm bồi có khi,

Quan-văn-Đường in là « còn thân dặt lại » ; ông
Vĩnh in là « dặt cũng ».

Bóng tàu vừa lạt vẻ ngán.

Cụ Kiều-oánh Mậu chưa rằng : « Trong Hoa-
tiên có câu : Nàng hồng duyên chẳng giúp nhau,
Mái tây chỉ để bóng tàu xế giăng ? »

Tin đâu đã gõ cửa ngăn gọi vào.

Quan-văn-Đường và quyển chú-thích chép là
« Tin đâu đã đến » ; ông Vĩnh chép là « đã thấy ».

Sinh thì dạo gót sân đào bước ra

Các bản chép là : « Sinh thì dạo bước sân đào
bội ra »

Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa.

Các bản chép là : « Cửa sái ».

Ông tơ càn quấy chi nhau ?

Các bản chép là : « ghét bỏ ».

Nào người sử gió tuôn mưa.

Ông Vĩnh chép là « trái gió thổi mưa ». Câu
này theo chữ cũ chữ tuôn phải hơn, vì những khi
gió đầy cũ, mưa đầy tuôn, thì lòng tương - tư
càng nặng.

Hàn - huyền chưa kịp già già.

Ông Vĩnh chép là « già già ».

Dẫu mà đá cũng nát gan lợ người !

Quan-văn-Đường và quyển chú-thích chép là
« Dẫu người đá cũng nát gan, lợ người ! » ; ông
Vĩnh chép là « Dẫu rằng ».

Oan này, còn một kêu Trời, nhưng xa !

Ông Vĩnh chép là « Oan này, chỉ có kêu Trời,
nhưng xa ! »

Hãy cho đề thiếp bán mình chuộc cha !

Các bản chép là « Rẻ cho ».

Dặn nằng qui liệu trong đôi ba ngày.

Ông Vĩnh chép là « Nhả nằng ».

Thương tình con trẻ thơ ngây.

Ông Vĩnh và Quan văn-Đường chép là « Thương
lòng » quyển chú thích chép là « Thương nằng »,
Gặp cơn vạ gửi, tai bay bất kỳ,

Các bản khác chép : « Gặp cơn vạ gió ».

Tin sương đồn đại xa gần xôn-xao.

Cụ Kiều-oánh Mậu chưa rằng : « Đồn - đại là
tiếng tục ngữ, có bản viết là đồn dậy thì không
phải ».

Ghế trên ngời lợt sô-sàng.

Cụ Kiều oánh Mậu nói : « Kinh bản và phường
bản đều viết chữ sô-sàng thì không phải ».

Nỗi mình đang tức nỗi nhà.

Các bản chép là « Nỗi mình thêm tức nỗi nhà »,
nghe phải hơn.

Ngại ngừng rợn gió e sương.

Các bản chép là « dạn gió ». Theo kinh bản là
rợn gió phải hơn : rợn gió đối với e sương. Còn
chữ dạn gió thì như là dãi gió dầm sương nghe
không hợp nghĩa với chữ ngại ngừng ở trên.

Nhìn hoa bóng thẹn, trông gương mặt dầy.

Có bản chép là « Ngừng hoa » ; ông Vĩnh chép
là « Xem hoa ».

Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.

Quan-văn-Đường và quyển chú thích chép là
mình gầy ».

Còn nữa

Ưng-hồe NGUYỄN-VĂN-TỔ

Sử học luận-đàn

Tháng 7 năm Quý - mao 1783, chúa Nguyễn Ánh có chạy thuyền Côn-lôn...?

tiếp theo và hết

DƯƠNG-KY

Ngày 15 Mai 1755, một người Pháp tên là Portais Leroux làm nghề buôn bán và mại biện tàu thủy, ở Ấn-độ đã 8-9 năm, đệ tờ trình lên viên Tổng thanh-tra Tài-chính nước pháp là De Machault, xin nước pháp lấy đảo Côn-lôn.

Theo Portais Leroux thì trong đảo có 1500 dân cư. Trước khi ấy, đảo gần hoang vu. Nhưng từ khi trong nước có loạn Tây-sơn, người An-nam ta, vì muốn tránh sự hiếp bức, ra đó ở canh-khẩn cấy cấy làm thành thịnh vượng. Họ đều «hiền lành, ôn hòa dễ bảo có kỹ-xảo, siêng-năng»; nếu từ-ĩ mà đối-đãi với họ «thì muốn họ giúp gì cũng được, và nhờ đó có thể buôn bán to-lơa trong khắp các nơi của những biển Trung-hoa; như thế thì rất tiện-lợi cho Hội buôn của người Pháp ở Ấn-độ mà hại lớn cho những hội buôn của người Anh và người Hòa-lan».

Portais Leroux lại chú-trọng về phương-diện dụng võ của đảo Côn-lôn. «Người ta có thể vào trong vũng Bắc đảo Côn-lôn mà trèo lên núi, sửa-sang rất chắc-chắn tất cả các thứ tàu thủy và đồ lau-chùi phần tàu ngập dưới nước. Càn gỗ thì cũng có sẵn. Vũng Nam cũng rất tiện-lợi».

Trong hơn 4 năm, Portais Leroux yêu-cầu De Machault dùng đảo Côn-lôn. Như không muốn đến buôn bán ở đó thì cũng nên lấy làm nơi căn-cứ, cất đồ, nghỉ quân. Nếu người

Pháp được hòn đảo ấy thì trong trận mới rồi, đầu đến nỗi mất các thuyền ở Tàu và Phi-luật-lân mà việc buôn bán của người Pháp đã thịnh vượng ở Âu-châu và Ấn-độ rồi! Lâm-thời nếu có chiến-tranh nữa, thì lấy đảo Côn-lôn ngay bây giờ lại là rất tiện cho nước Pháp. Như thế, chỉ cần một chiếc tàu với 100 lính và một số tiền từ 5 đến 6 vạn đồng-bạc Ấn-độ

Lời đề-nghị rất lợi cho người Pháp như thế, không thi-hành được là vì sau trận Plassey 1757 thanh-thế của Hội Compagnie Anglaise des Indes rất vững-vàng ở Ấn-độ; còn Hội buôn của người Pháp thì lụn-bại đến nỗi phải bãi-bỏ (1769).

Dù ta có nghĩ sức học địa-dư của người Pháp đến đâu nữa, cũng không có thể cho các lời rành-mạch ấy là vô-căn-cứ. Xem thế thì đủ biết thời bấy giờ, về vấn-đề dụng võ, Côn-lôn chưa chắc đã hoàn-toàn vô-dụng. Sau khi khắc-phục đất Gia-định, Chúa Nguyễn cũng có thể đến đó đề-dòng, hoặc sửa-sang tàu-bè.

Lê-quân bảo rằng sở dĩ các nhà viết-sử ta viết: «vây Côn-lôn 3 vòng» là để nói vây rất chặt-chặt vì các cụ xưa của ta vẫn quen dùng chữ đức. Chúng tôi cũng có nghĩ như thế, nhưng lại nghĩ thêm rằng: tại sao các cụ lại không dùng câu ấy để tả thành Bình-dịch, thành Diên-khánh bị Tây-sơn vây, mà chỉ dùng về đảo Côn-lôn thôi? chứ

xưa đã dùng vào một cái thành, tưởng nên dùng vào 2 thành ấy thì đúng hơn. Vả lại binh-lính Tây-sơn vây 2 thành trên thật là trùng trùng điệp điệp, nếu muốn dùng câu chữ đức ấy thì dùng vào 2 trường hiệp trên rất xác nghĩa. Phải chăng là vì các cụ rất thận trọng lúc cầm bút chép sử, cốt ý muốn viết sự thực ta phải công nhận đều đó vì sử ta nhiều khúc cũng «khoa học» lắm, chứ không phải là muốn dùng chữ đức để tỏ ra rằng mình học rộng, như những lúc cao hứng các cụ rung đùi làm những bài thơ hay những bài văn theo lối biện ngẫu khác. Mà do đó ta có thể ngờ thế này được chăng: lúc ấy quân Tây-sơn vây Chúa đến ba vòng «tam táp» thực chứ không phải «ngón kỹ đa dã» ở tại một hòn đảo nào, trong vịnh Xiêm-la, quy-mô nhỏ hơn đảo Côn-lôn.

Lê-quân dẫn sách «Gia định thành thông chí» của Trịnh-hoài Đức. Tài liệu ấy rất đáng chú ý. Nhưng xem lại thấy đoạn ấy chép có chỗ rất khác sử.

Theo sử Thực lục, Trần trọng-Kim, sau khi thoát nguy ở Côn-lôn, Chúa lại chạy về Cồ-cốt, chớ không phải lên Ma-ly Hải khẩu 6. Đi lên Ma-ly Hải khẩu, ở đó bị giặc đuổi chạy ra xa thẳm ngoài khơi, đến nỗi ghe khô người khát, lại lui về Cồ-cốt, rồi đến Phú quốc, nội trong nửa tháng 7 thì đi làm sao cho kịp xin như là đi ghe phèo,

Vả lại, mới thoát nguy ở Côn-lôn, sợ giặc cơ-hồ hơn sợ bùm beo, mà lại dám đi ngay lên Ma-ly hải-khẩu để do-thám thì cũng lạ quá. Đó là về thuyết của Trịnh-hoài-Đức.

Còn theo *Thực-lục* thì Chúa đi về Cồ-cốt, đến Phú-quốc, rồi mới lên Ma-ly hải-khẩu để do-thám. Nhưng ở Phú-quốc Vua tôi đã đói xơ xác (7), hái cỏ, đào rễ cây mà ăn, thì phỏng còn đi do-thám thế nào được nữa, mà do-thám để làm gì mới được chứ?

Tung-sử nói rằng Chúa Nguyễn cùng bảy tôi tông vong, sau khi ăn thuyền gạo của bà Thị-Uyển người ở Hà-tiên thấy phấn-khởi tinh-thần (!); muốn đến do-thám ở Ma-ly hải-khẩu, thì ta nên xem-xét kỹ-lưỡng thử nội trong tháng 7 ấy Chúa có thể đến Ma-ly không?

Sách *Thực-lục* chép việc Chúa đến Ma-ly hải-khẩu tiếp với việc Chúa nhờ Đức-cha Bá-đa-lô-cơ cầu cứu ở Pháp và giao Hoàng-tử Cảnh cho Đức-cha đem đi (8). Sách ấy đề các việc kể trên nội trong tháng 7, nghĩa là sau khi bị đánh liêng-xiêng ở Côn-lôn (?) Nhưng theo Đức-cha thì mãi đến sau này (chứ không phải trong tháng 7 ấy) Chúa mới trao Hoàng-tử cho Đức-cha mà nhờ sang Pháp cầu-viện. Chúng tôi thiết nghĩ về việc này ta nên tin lời Đức-cha thì đúng sự thực hơn, vì trong những thư-lư đề lại, Đức-cha nói rất rõ-ràng các việc đã làm từ khi đến Chantabonn 21 Aout 1783 cho đến khi qua Pondichéry cuối tháng Février 1785.

Lúc ấy Đức-cha Bá-đa-lô-cơ gặp Chúa Nguyễn-Ánh đương thiếu lương-thực, quân-lính phải đào rễ cây mà ăn (9). Đức-cha liền dâng thực phẩm. Đức-cha nói: « Tôi cho chẳngặng đặng bao lăm.

Nhưng người ta không thể lường-tưởng họ cảm ơn nhiệt-liệt và sung-sướng đến bậc nào. Vua dân-dà ngày nọ đến ngày kia, giữ tôi lại gần 15 hôm Sau tôi mới đi được và đến Poulo Panjang ngày 6 Février 1784 » (10). Tuy Đức-cha vì một lẽ riêng (11) không nói rõ đã bàn với Chúa Nguyễn những việc gì, nhưng chúng ta cũng có thể đoán rằng chính trong lúc ấy, Chúa Nguyễn thấy mình sức cùng lực kiệt liền ngỏ lời nhờ Đức-cha xin nước Pháp cứu-viện. Không lẽ Chúa đã giữ Đức-cha lại gần 15 ngày mà chỉ để nói chuyện suông và cảm ơn Đức-cha đã cho lương-thực thôi.

Bỏ Poulo Panjang, Đức-cha định vượt vịnh Tiêm-la, nhưng đi không được, liền đến đảo Poulo Obi để lấy nước, gặp chiến-thuyền Tây-sơn, may thoát được về thâu Poulo Panjang, rồi lại đi đến đảo Poulo Way mà ở đó cho đến cuối năm 1784 mới về lại Poulo Panjang gặp Chúa Nguyễn; lúc ấy Chúa Nguyễn bèn giao Hoàng-tử Cảnh cho Đức-cha « Ce fat alors qu'il me confia son fils âgé de 6 ans (12) que j'ai emmené ici Pondichéry (13). Những điều chép lại như thế thực là rõ-ràng.

Xem như vậy thì mãi đến sau này chứ không phải trong tháng 7 năm Quý-mão Chúa mới giao Hoàng-tử Cảnh cho Đức-cha mà nhờ sang Pháp cầu-cứu; do đó ta có thể cho rằng trong khoảng tháng 7 ấy Chúa chưa đến do-thám ở Ma-ly hải-khẩu. Có đến đó thì cũng về sau này thôi cuối năm 1784.

Vì những lẽ trên nên chúng tôi mới nghi trong khoảng tháng 6 năm Quý-mão 1783 Chúa không đến Côn-lôn. Bị thiếu lương-thực đến nỗi đói xơ-xác bị đánh tan tành, có lẽ Chúa chỉ

lần-lút trong vịnh Tiêm-la từ Cồ-Cốt đến Poulo Panjang là cùng Chúng tôi vẫn biết một việc cách đây chỉ 159 năm, sách chữ Hán đã chép mà nay nói khác sách ấy, thì mới nghe qua cũng khó tin. Nhưng gặp chỗ đáng nghi, chúng ta đừng quá tin các sử chữ Hán, mà nên kê-cứu thêm tài-liệu, đem đối-chiếu các tài-liệu ấy với nhau, để mong tìm ra sự-thực. Phải chăng đó là việc đáng làm của người đọc sử, nhất là sử nước nhà hiện còn nhiều chỗ mù-mờ không được rõ-ràng minh-bạch?

HET

DUONG KY

2) Theo sách « *Royaume de Cham-pa* » của Maspero (trương 98, lời chú-thích số 4) thì các sách « *Đại-việt-sử-kỷ* », « *Đại-việt-sử-kỷ-toàn-thư* », « *Khâm-định-việt-sử-thống-giám-cương-mục* » chép rằng các người Mĩ lai đến đánh Trấn-nam đô hộ-hủ, (tên nước ta hồi bấy giờ là lúc nội thuộc Tân) trong năm 767 đến ở các đảo Côn-lôn và Đà-bà Java mà đến.

3) Xin xem sách địa-dư: « *Un Empire Colonial français, l'Indochine* », (Éditions G. Van Oest, 1929)

4) Xin xem « *Histoire Moderne du pays d'Annam* » của Maybon trương 152.

5) « *Việt-nam-sử-lược* », quyển 2 trương 82.

(Mấy chỗ chưa trên này thuộc vào phần bản đã đăng ở kỳ trước.

6) Theo sách « *Hoàng-việt-địa-dư-chí* » số 293 Bão-Đại-thư-viện, Huế thì Ma-ly hải-khẩu ở tỉnh Bình-thuận Bình-thuận-toàn-đồ. Nhưng cũng trong sách ấy ở bản đồ tỉnh Hà-tiên thì đảo Cồ-cốt lại ở về phía đông-nam đảo Phú-quốc. Xem như thế thì sách xưa hay đồ lộn mấy hòn đảo trong vịnh Tiêm-la. Việc đồ lộn hòn đảo Côn-lôn có phải vì thế chăng?

7) Xin xem sách « *Việt-nam-sử-lược* » của Trần trọng-Kim, cuốn 2, trương 94. Sách « *Thực-lục* » chép rằng « Ngự châu hải vật xuất trùng-vy, bạc vu, cồ cốt, dư, tằm phục hồi Phú quốc đ. o, quân h. óng quy pháp sĩ lốt chỉ thổ thao vu như thực phẩm ...

xem tiếp trang 20

Bìa văn-miêu

Những ông nghề triều Lê

Số 44

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

13. — Nguyễn Tịch, người xã Phù-lỗ huyện Kim hoa, phủ Bắc - giang, tỉnh Kinh - bắc, nay là Bắc - ninh. Cùng anh là Nguyễn-dương-Hiến, đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân khoa át-mùi năm 1475. Làm quan đến đô-cấp-sự trung. Em là Nguyễn-thận-Lễ đỗ năm 1497, ba anh em làm quan cùng triều. Ông là tọng tổ Nguyễn-đôn - Mục đỗ năm 1547 chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 69a, và *Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 21b).

14 — Phan-Quí, người xã Phan xá huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến - sĩ khoa át mùi năm 1475. Mùa đông năm đinh-dậu 1477, làm Hàn-lâm hiệu thảo, sung chức phó-sứ cống bộ; mùa thu năm canh-tý 1480 đi sứ về. Làm quan đến tham-chính *Đăng khoa bị khảo* quyển Kinh-bắc, tờ 103).

15. — Thái-Thuận, tự là Ngộ-hòa, hiệu là Lục-khê, người làng Liễu-lâm, huyện Siêu loại, phủ Thuận an tỉnh Kinh-bắc. Năm ba mươi nhăm tuổi, đỗ đồng tiến - sĩ khoa át-mùi 1475. « Làm Quan nơi quán - các sứ quán đông-các v. v. hơn hai mươi năm, đạo đức văn-chương, được đời bấy giờ tôn-trọng. Ra làm tham - chính Hải-dương rồi mất. Ở lâu nơi thanh quý, tính hay ngâm vịnh. Vua Lê-Thánh Tông khen là « nổi tiếng trường thơ », đạo cách cho hiệu là Tao-đán phó nguyên soái. Lại có hiệu là Lã đường. Học trò ông là Lê-bộ tả thị lang Đỗ chính-Mô, cùng con là Thái-khắc, thu nhặt những di cảo của ông chép làm bốn quyển đặt là *Lã đán thi tập*. Đỗ chính Mô làm bài tựa, trong có

khen: « Những bài thơ của ông Thái Thuận làm đều ý mới, nói những từ người xưa chưa nói rất là mới lạ, mà điệu luật đủ các lối của nhà làm thơ » (dịch bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí Đôn quyển 13, tờ 1a; trong có chép 175 bài thơ cận thể của ông Thái Thuận).

16. — Nguyễn-sùng-Nghê, người huyện Vĩnh-xương, phủ Phụng-Thiên ngụ ở Hiền-khánh, huyện Thiên-bản Năm bốn mươi tám tuổi đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân khoa át-mùi năm 1475 (*Đăng khoa lục* quyển 1 tờ 21b)

17. — Trần Mô, người xã Di-ái huyện Đan phượng, phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây. Năm ba mươi sáu tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa át - mùi 1475, Làm quan đến Hiến - sát (*Đăng khoa bị khảo*, thu - tập thượng, tờ 28b)

18 — Đoàn - Mậu, người xã Kim-côi, huyện An-lão, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải - dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa át mùi 1475; Năm quí-dậu hiệu Hồng - thuận 1513, làm quan đến Hộ bộ thượng thư, coi Tú-lâm cục, Chiêu-văn-quán, tư-ơ Cầu-lễ-nam (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 21b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 89a).

19 — Nguyễn-ly-Châu người xã Khê-ngạc, huyện Yên - lăng, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn - tây. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa át mùi 1475.

20 — Nguyễn-lễ-Kính người xã Yên-ninh, huyện Yên - dưng, phủ Yên dưng, phủ Lạng - giang, tỉnh kinh-bắc. Năm ba mươi ba tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa át mùi 1475. Làm quan đến Quốc tử-Giám tự-nghiep Tăng - tổ Nguyễn - nghĩa-Lập đỗ đệ nhị giáp tiến - sĩ xuất

thân năm 1553 *Đăng khoa lục* quyển 4- tờ *Đăng khoa bị khảo*, quyển kinh bắc, tờ 72a

21. — Tạ-đức Hải người huyện Võ ninh phủ Từ-sơn tỉnh kinh-bắc không thấy chép làng; nhưng *Đăng khoa lục* quyển kinh bắc, tờ 4a, nói « có chỗ chép là người xã Vỹ-vũ » Đỗ đồng tiến sĩ khoa át mùi 1475

Còn nữa

Ứng-hòe Nguyễn-văn-Tố

Sử học luận đàn

tiếp theo trang 19

8) « *Đại-nam-thực-lục-chính-biên-đệ-nhất-kỷ* », quyển 2 tờ 5.

9) « *Histoire moderne du pays d'Annam* » của Maybon, trang 204.

10) On ne saurait se figurer quels furent leur reconnaissance et les témoignages de sensibilité qu'ils firent tous éclater en recevant le peu de choses que je pus leur donner: le roi fit si bien qu'on me remettait du jour au lendemain, il me restait avec lui près de 15 jours. Je partis enfin et nous arrivâmes à l'île de Poulo Parjang le 6 Février 1784).

11) Vì Đức-cha biết ở La mã người ta công kích Đức-cha đã can thiệp vào việc chiến tranh và nội trị nước Việt-nam. Mà làm như thế là vượt ra ngoài bốn phận một người đi truyền giáo. Xem Maybon trang 206.

12) Về tuổi của Hoàng tử-Cảnh thi Đức-cha nói không được đúng lắm. Hoàng tử-Cảnh năm 1780, khi ấy mới 5 tuổi.

13) « Après avoir radoubé no're petit bâtiment, nous quittâmes notre chère solitude avec les plus grands regrets. Nous fîmes voile vers Poulo-Panjang, pour de la traverser le Golfe de Siam. Nous y vîmes une deuxième fois le roi de Cochinchine qui me raconta la man'ère dont il avait été commencé à Siam et s'étendit particulièrement sur la duplicité des Siamois qui, sous prétexte de le rétablir sur ses Etats, n'avaient cherché qu'à se servir de son nom pour piller son peuple. Ce fut alors qu'il me confia son fils âgé de six ans que j'ai emmené ici » (« *Histoire moderne du pays d'Annam* » của Maybon trang 105),

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 11

Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUẢN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỜ
HIÊN 軒 Nguyễn		Định-tường, Kiến-hòa	S	14	17a	nay là vùng Chợ-gạo
HIÊN » Nguyễn		Bình-định, Phù-nhĩ	N	28	19b	Mỹ-tạo
HIÊN » Trần-vân		Bình-định, Bồng-sơn	S	26	4a	
HIÊN 憲 Trần-Công		Quảng-ngĩa, Chương-ngĩa	S	16	18a	
HIÊN 獻 Trần-đinh		Quảng-trị, Minh-linh	T	5	26a	
HIÊN » Trịn		Thanh-hóa, Vĩnh-lộc	S	20	10b	
HIÊN 顯 Đào-thị		Hà-lĩnh,	N	44	16a	
HIÊN » Đỗ-vân		Định-tường, Kiến-hòa	S	17	11a	nay là vùng Chợ-gạo
HIÊN » Nguyễn-vân	tự Doãn-trai	Bình-định, Phù-cát	N	36	8b	
HIỆP 協 Doãn-đức		Thừa-thiên, Phú-vang	T	5	42b	
HIỆP » Huỳnh-tương	tự Thúc-chất	Hanoi, Đông-ngạc	N	26	19a	con Hoàng-tế-Mỹ
HIỆP 洽 Huỳnh-xuân		Bắc-thành, Thọ-xương	N	26	11a	
HIỆP 決 Lâm-duy	sơ-danh Duy-Nghĩa	Bình-định, Tuy-viễn	N	27	1b	
HIỆP 洽 Nguyễn		Bắc-ninh, Đông-ngạc	N	33	11a	
HIỆP 合 Nguyễn-công	sơ-danh Công-thuyền	Nam-định, Vụ-bản	N	29	8b	cũng đọc « Hợp »
HIỆP 洽 Nguyễn-duy		Nam-định, Phú-độc	S	20	181b	
HIỆP » Nguyễn-thuận	sơ - danh Tuyên	Huế	T	6	29a	con thứ 7 của Thái-tổ
HIỆP 合 Nguyễn-trọng	hiệu Kim-giang	Hanoi, Thanh-tri	N	30	8a	con của Nguyễn-Cư
HIỆP 洽 Tông-phước	biệt hiệu Quế-bình	Thanh-hóa, Qui-huyện	T	3	5b	đền thờ tại Vĩnh-long
HIẾU 孝 Cát-vân		Quảng-nam, Hòa-vang	S	14	10b	
HIẾU » Nguyễn-vân		Định-tường, Kiến-hòa	S	16	12a	nay là vùng Chợ-gạo
HIỆU 校 Nguyễn-đinh		không-rõ	S	18	10b	
HINH 馨 Phạm-đức	tự Tập-phương	Hải-dương, Đường-hào	N	40	21a	
HÒA 和 Lưu-tấn		Biên-hòa, Long-thành	S	17	2b	
HÒA » Nguyễn-duy		Quảng-bình, Lệ-thủy	S	19	11b	
HÒA » Nguyễn-hữu	sơ-danh Tr.ên	Thừa-thiên, Hương-thủy	N	32	20a	
HÒA » Tống-phước		Thanh-hóa, Quý-huyện	T	3	7b	đền thờ tại Sa-đế
HÒA » Trần		Gia-định, Vĩnh-bình (?)	N	41	8a	Thiệu-trị sơ, Cử-nhân
HÒA » Trần-đức		Bình-định, Bồng-sơn	T	3	9b	
HÒA » Trần-vân		Bình-định, Bồng-sơn	S	26	4a	
HÒA » Trần-xuân		Quảng-trị, Hải-lăng	N	40	23b	con của Trần-Tuyên
HÓA 化 Nguyễn-vân		Quảng-bình, Bồ-thạch	S	15	20b	
HOAN 懽 Lê-vân		Quảng-nam, Hòa-vang	S	25	13a	
HOAN » Nguyễn-đức		Quảng-trị, Hải-lăng	N	27	24b	
HOAN 驪 Nguyễn-quốc		Quảng-bình, Bình-chánh	N	26	1b	
HOAN 煥 Huỳnh-kim		Thừa-thiên, Hương-trà	N	18	2a	
HOANG-HẬU (Huỳnh-tổ) (2)	HIẾU-KHƯƠNG	Thừa-thiên, Minh-linh	S	1	1a	
» (lê-tổ) I	THỪA-THIÊN	Thanh-hóa, Qui-huyện	S	1	10a	con Tống-phước-Khuôn
» () II	THUẬN-THIÊN	Thừa-thiên, Hương-trà	S	1	20a	con Trần-hưng-Đại
» (Thánh-tổ)	TÁ-THIÊN	Biên-hòa, Bình-an	N	1	—	con Hồ-văn-Vui
» (Hiên-tổ)	NGHI-THIÊN	Gia-định, Tân-hòa	N	2-3	—	con Phạm-đăng-Huân
» (Đức-tên)	LỆ-THIÊN	Quảng-bình, Lệ-thủy	N	4	—	con Võ-xuân-Cẩn

T: Tiên-biên, S: Sơ-tập, N: Nhị-tập (2) con Nguyễn-phước-Trung « Nguyễn-tổ-Phí » phụ

TIỂU-THUYẾT LỊCH-SỬ

ĐÊM HỘI LONG-TRÍ

SỐ 2 NGUYỄN-HUY-TƯỜNG viết

DẪU đề là Trung-thu Long-trí dạ hội phú (thề lưu-thủy). Văn phòng từ bảo đã đem bày trên lý. Các bạn Bảo-Kim hát đầu câu từ. Chàng nhìn chung quanh, đầu đầu chàng cũng nhận thấy những nét mặt trầm ngâm. Vài người đã hí-hoáy viết trên giấy hoa tiên.

Bài ra dễ, nhưng văn cũng dễ sinh sáo. Quỳnh-Hoa đã lười đi đầu mất. Chàng còn say đắm sắc đẹp và hương-thơm của giai-nhân. Lòng chàng tràn ngập một mối tình bông-bột. Chàng lảng-lặng đứng đây, bước ra khỏi hàng. Mọi người đều lấy làm ngạc-nhiên. Duy các bạn chàng biết tình.

Chàng trào lên một ngọn gió sơn cao, bao quát cả Long-trí, xa xa là Bắc-cung lặn trong bóng tối. Cả cái vẻ lộng-lẫy của đêm hội Trung-thu, trăng lồng bóng nước, đèn lồng cảnh dương, giọng nói câu cười, tiếng ca tiếng quàn, cảnh mơ-hồ như một giấc chiêm-bao. Cả một cuộc tao-phùng tối khách giai-nhân và một mối tình châu-thành không bờ, không bến... Chàng chợt thấy thời-khắc mong-mạnh, lưu-luyến đêm vui, và hồn thơ đột nhiên dào-dạt.

Quỳnh-hoa lấy làm lạ. Nàng lo ngại cho Bảo-Kim. Nàng lại tự trách mình có điều chi sơ-suất khiến cho chàng phật ý. Nàng mới gặp chàng mấy lần, nhưng đã nghe tiếng chàng nhiều lắm. Đối với chàng công-tử phong-lưu và phóng-khoáng, ngang-tàng như Lý trịch-tiên, nàng có rất nhiều thiện-cảm, hơn nữa, một mối tình u-ẩn. Trong ngày hội này, nàng mong gặp chàng, và mong nhất, được chính mình thưởng-thức tài văn-chương

lỗi-lạc của chàng. Nàng lo sợ không có cái may ấy. Nhìn một loạt những người đang múa bút làm văn, nàng chỉ thấy toàn một hạng tầm-thường, khí-cục tí-tiền, so với Bảo-Kim thì như đàn dê bên một con mãnh-hổ.

Nhưng Bảo-Kim đã trở vào, chàng như hiện thân của cảm-hứng. Mọi người ngẩng đầu nhìn chàng, lo sợ một sự dị-kỳ. Chàng đã về chỗ, chậm rãi mài mực, dầm ngọn bút lông, rồi say sưa như một người đánh bạc, chàng cầm đầu thảo, chỉ một loáng ba tờ hoa tiên đã đặc, và bài phú đã thành. Khi chàng đề lạc-khoản xong thì đã có nhiều người đem quyền nộp. Chàng nén lòng chờ các bạn, cũng đem lên một thẻ.

Quỳnh-Hoa đã chuyển-giao hơn 30 quyền vào trong vườn sau, một nơi tĩnh-mịch và u-nhã, ở đó đã có hơn mười vị đại-vhoa đang ngồi uống trà bên khối trầm nghi-ngút. Nàng vốn là một tay giỏi về thi-phú, nhưng cũng tự biết mình còn trẻ, ý-từ còn nóng-nổi, không thể thưởng-thức hết được những áng văn của các danh-sĩ đất Thần-kinh, vì thế nàng mới xin Tĩnh-vương tuyền giúp nàng những tay lão-thành hay chữ để chấm văn thi. Các cụ là chân đại-khoa, nên xem văn rất chóng. Chấm đã được hơn mười bài, mắt Quỳnh-Hoa chợt sáng lên. Nàng thấy quan Thị-lang Ngô Thời-Sĩ cầm lấy quyền mà nàng biết ngay là quyền của Bảo-Kim; có lẽ chỉ duy có chàng viết thảo.

Ngô Thị-lang cúi mặt nói:

— Có được phép viết thảo không?

— Thảo thì vớt còn gì.

Ngô Thị-lang đáp:

— Nhưng nét bút tươi và tung hoành và xem mấy câu đầu thì thực là tài lỗi-lạc.

Cụ bồng cầm bút son khuyên lia khuyên lia. Quỳnh-Hoa sung-sướng, Ngô Thị-lang là chân Bắc-đầu trong cội văn-chương thời bấy giờ, cụ đã khuyên, chắc văn phải cứng lắm. Cụ bồng quăng bút, nói to:

— Thiên cổ kỳ tài! Bọn mình không sánh kịp. Hay lắm, hay lắm, hay đến nỗi không muốn chấm những bài kia nữa. Khi hùng-kinh như phú A-phong, đài-các như tự Đổng-vương các, nhẹ nhàng phiêu-dạt như phú Xích-bích, thực là nhời gấm, nhời vóc, suối ngọc, kho vàng. Tuyệt phẩm văn-chương nói không hết được.

Rồi cụ lau-lanh ngẫm bài phú của Bảo-Kim cho bạn nghe. Quỳnh-Hoa bồng cầm thấy cái thú tuyệt-kỳ khi nghe bài văn tao-nhã, sáng dịu như vầng trăng, nhẹ như gió thu, dâng muôn tiếng nhạc, kêu vạn nhời tình.

Ngô Thị-lang nhấp chén trà, nói:

— Cả một đoạn sau cùng, sau khi tả hết cuộc vui, bỗng nhời nhớ tiếc, tưởng bóng giai-nhân, buồn người cho thân-thế, cảm khái nồng-nàn, chí tình, chí thiết, thực mà không thô, tinh-từ mà không dâm, lời đẹp mà không sáo.

Quay hỏi Quỳnh-Hoa:

— Chỉ tiếc bài phú này viết thảo. Chẳng hay Quận-chúa nghĩ sao?

— Quỳnh-Hoa nói:

— Văn-chương là phần chính, tôi không bắt buộc viết chân-phương. Xin Thị-lang và các quan cứ xem văn mà đánh giá.

Thị-lang nói:

— Quận-chúa dạy thế là phải. Một lúc sau, chấm xong, các quan theo Quỳnh-Hoa ra ngoài hàng. Bọn văn-nhân đang ngồi hỏi nhau về chữ, vắn nhau về điển, hoặc ăn bánh, hoặc uống-chè, thấy các quan và Quận-chúa đi ra, đều một loạt đứng dậy.

Ngô Thị-lang nói:

— Xin liệt vị an-tọa. Nhắc đời thạnh-trí, chúng ta mới có cuộc

vui tạo-nhã này. Chúng tôi được chăm văn anh em đây thực là một điều đặc hạnh. Chúng tôi đã lấy bài phú của Bảo-Kim làm nhất. Đáng lẽ thì bài ấy không trúng cách, vì viết thảo. Nhưng thế theo lời nữ-chủ-nhân đây. chúng tôi cứ xem văn mà đánh giá. Chúng tôi sợ là người có tuổi ý kiến hồ-đồ, vậy xin liệt-vị chọn lấy một người có giọng tốt, ta cùng bình bài phú ấy và cùng thưởng thức một áng văn hay trong đêm thanh gió mát này. Các vị nghĩ sao?

Mọi người thấy Ngô Thị lang thì chắc chắn là sự chăm văn không có gì nhầm lẫn. Huống chi họ vẫn phục tiếng Bảo Kim, nên thấy giải nhất về chàng, họ không lấy gì làm lạ.

Một người nói:

— Triều đình còn lấy những nhời của cụ lớn làm khuôn vàng thước ngọc, là bọn ngu muội. Chúng ta diệt Đổ-Tuấn-Giao là người tốt giọng, xin cử anh ấy vào việc bình văn.

Mọi người nói:

— Phải lắm! Phải lắm: Xin cử Đổ-Tuấn-Giao.

Bảo Kim người như cuồng dại. Chàng có cần chi đến giải nhất?

Nhưng ý trước người đẹp ước, chàng thấy say hơn ông tiến-sĩ chỉ lại được tin nhà bệnh-vực mình.

May chạy trong thớ thịt một nguồn vui tươi sáng.

Đổ-Tuấn-Giao đã kịp lấy bài phú, và cất tiếng sáng sủa bình văn. Cử tọa trước còn xôn xao, nhưng sau bị lời-cuốn bởi câu văn hay, ý-tưởng, cao-siêu, cảnh tình như vẽ, và nhất là bởi cái nhạc điệu tuyệt-luân nó khiến cho bài phú thành bản một bản đàn giéo-giắt. Quỳnh-Hoa chỉ lo bài phú hết, và Bảo-kim trầm ngâm nghe bạn đọc, thỉnh-thoảng lại lấy làm ngạc-nhiên, vì nhiều câu xuất ý ngoại, chàng tưởng như mình không sao đặt được.

Tuấn - Giao đọc xong, trong bọn công-sĩ có người thở dài nói:

— Thực là thần bút. Tô Đông-Pha sống lại cũng không thể làm hay hơn được. Gai nhất thực là xứng-đáng, chúng tôi còn lâu mới có cái bút lực siêu phàm như thế...

Nói chưa dứt lời, bỗng có tiếng kêu thất thanh và cảnh Long-trì phút đã thành nơi ồn ào như chợ. Tiếng ca quân im đi. Bọn phụ nữ chạy tán loạn. Lặng tai có người nghe thấy tiếng kêu « Cậu Trời! Cậu Trời » đấy, chị em trốn đi.

Quỳnh-Hoa bỗng tái nhợt đi, nàng rú lên mấy tiếng:

— Cậu Trời! Khổ quá!

Bọn công-sĩ nhiều người thất sắc. Nhiều người đứng dậy. Bảo - Kim vội đứng lên:

— Anh em định chạy ư? Không thể được. Anh em hãy ngồi lại, ta đợi ân chủ nhân, không nhẽ lại bỏ đi! Người quân tử có bao giờ xử sự thế? « Cậu Trời » là cái quái gì mà anh em sợ?

Tưởng như có một trận cuồng phong thổi trong đám hội người chạy như ong. Tiếng kêu tiếng hét tiếng gọi nhan liên tiếp. Cả bọn còn đương ngờ ngẫm, thì một người thiếu phụ đầu tóc rũ rượi chạy vào hỗn hển:

— Ai cứu tôi với! « Cậu Trời! »

Một bọn côn đồ, đi đầu là một người trai trẻ mặt phàm và mặt lác, chạy theo vào. Người thiếu phụ luống cuống ngã soài ra. Chỉ một bước, người trai trẻ đã nhảy tới, giẫm chân lên mông, cười nói:

— Trời nó đem về phủ cho ta!

Hơi rượu nồng nàn xông ra rất khó chịu.

Người thiếu phụ ấy cố kêu!

— Lấy « Cậu Trời » con là gái có chồng.

Các quan chăm văn đã lui cả vào trong vườn, duy có Ngô-Thị-Lang đứng đấy, thấy thế quát:

— Quốc-cửu không được vô lễ!

Người trai trẻ cười ngật nghễo:

— À Thị lang họ Ngô, lão hủ nho này không biết quan tham - tụng

tao đánh giữa đường còn cầm miệng như hổ, thứ mày đã đáng kể gì!

Khí nất của Bảo-Kim dâng lên tới cổ, Chàng bước lại, các bạn chàng theo sau. Bảo-Kim quát:

— Loài súc sinh, quân vô liêm sỉ. Mày bước ra khỏi chốn này!

Người trai trẻ lại cười ha hả:

— À thằng nhãi con, muốn vượt râu bùm. Quân bay đầu, đánh chết chúng nó đi cho tao, tội vạ đầu tao chịu.

Nhưng tiếng dạ ran, quân côn-đồ đến ba mươi thắng, kẻ roi, người thước, xông vào đập bọn Bảo-Kim tút bụi.

Quỳnh-Hoa vội chạy ra. Người trai trẻ bỗng lùi lại, bị thôi miên bởi vẻ đẹp thanh kỳ. Một tên theo hầu nói:

— Thưa cậu, đây là quận chúa Quỳnh-Hoa.

Người trai trẻ ngạc-nhiên nói:

— Quỳnh - hoa quận - chúa! Ta không ngờ lại đẹp nhường vậy. Thực là một vưu vật.

Nhưng Quỳnh - Hoa đã chạy ra, cất tiếng oanh phán:

— Đặng-Lân, mi không biết đây là chốn nào sao? Mi bước ngay kéo phụ-vương đến thì mi mất đầu.

Nàng đừng dọa ta. Đầu « Cậu Trời » không dễ chém thế đâu. « Cậu Trời » tha chết cho, chứ ai chém được « Cậu Trời ».

Quỳnh-Hoa giận sôi lên. Đặng-Lân vẫn nhìn chàng trông - trọc. Nàng bỗng rú lên, một tên côn - đồ bỏ giữa đầu Đổ-Tuấn-Giao một tay thước, khiến cho chàng ngã lăn xuống.

Quỳnh-Hoa lúng túng không biết xử trí ra sao. Cuộc hỗn chiến mỗi ngày một dữ dội.

Quân côn-đồ giẫm cả lên người thiếu-phụ một cách tàn nhẫn. Xem chừng thì bọn Đặng-Lân thắng thế, và một nửa văn nhân đã ôm đầu chạy trốn.

Vừa lúc ấy một người thanh-niên đi vào ăn bận lối võ quan, mép đờ rìa, mình đeo gươm, trông có một vẻ ngang tàng hào mại. Người ấy nói lớn:

Còn nữa

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

- 1-) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25
- 2-) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim 2 p. 50
- 3-) Grammaire Annamite Trần-trọng-Kim 3 p. 50
- 4-) Phạt lục, Trần-trọng-Kim 0 p. 80
- 5-) De Hanoi à la Courline Phạm-duy-Khiêm 1 p. 50

ĐANG TẠI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

Mấy cuốn sách giá-trị của
QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐẠO SÔNG

sách thường 2p00

sách đẹp 4p00

«J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieusement présentés de chacune de ces doctrines. Je vous félicite»

P. DELSALLE

Président Supérieur au TONKIN

«Những sách như sách Đạo Sông này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ» *Phạm-Quỳnh*

Lược-khảo về Mỹ-thuật Việt-Nam

sách thường 1p50 sách đẹp 3p50

A la fois sinologue et artiste, Ng.x.Nghi nous donne avec autorité et avec l'aecent d'une admiration émue des résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant qu'à l'esprit parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes...

... La forme en est agréable, discrètement pittoresque...

Nguyễn-văn-Tổ

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2p00

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p40 cước

Thư từ ngân phiếu để cho

Ô. Lê văn Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ —
Nhóm « Đông - dương tạp chí » — Nhóm
« Nam-Phong tạp-chi ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước,
cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi linh hóa giao : gán

Mandat gửi về : Nhà

93, Phố Hàng

Sắp có bán

NGUYỄN DU

và

TRUYỆN KIỀU



của **NGUYỄN-BẠCH-KHOA**

Một cuốn nghiên cứu đầu tiên viết theo phương pháp khoa học về thời đại, về huyết thống, về thân thế, về cả tính tình thi sĩ Nguyễn Du và về Truyện Kiều.

Ngoài những bản thường có in thêm nhiều bản giấy quý dành riêng cho các bạn yêu văn

→ **HÀN-THUYỀN**

— 71 Tien Tsin Hanoi

Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán